



BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9

Kính trình: **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021**

Phần 1: TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 4 (2016-2021)

I. Tổng quan môi trường hoạt động Công ty.

Thực tế, đến cuối năm 2015, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đã có biểu hiện trì trệ. Hầu hết các mặt hàng chủ lực bị nhái nhãn hiệu, không được gia hạn visa sản xuất, một số công thức sản xuất không còn được chấp nhận theo qui định mới. Việc nghiên cứu thêm mặt hàng mới tiến triển chậm, bị lạc hậu khi đưa ra tiêu thụ ... Với một thị trường ngày càng khốc liệt, nhiều thủ đoạn cạnh tranh tinh vi, những vấn đề tồn tại ở khâu sản xuất đã tác động nghiêm trọng đến kinh doanh, hàng khó bán nên sản lượng sản xuất liên tục giảm, giá thành sản phẩm mỗi lúc mỗi tăng, Kinh doanh mất dần thị trường, không thể đặt hàng cho sản xuất, muốn bán hàng, phải chấp nhận bán trả chậm, làm chậm vòng quay vốn, phải tăng nợ vay, lãi vay. Những tồn tại này, Công ty đều biết, nhưng do không còn động lực để đổi mới, Công ty không thể đưa ra những biện pháp quyết liệt và đồng bộ để giải quyết, cứ để mọi việc dần trôi, khó khăn chồng chất, doanh thu và lợi nhuận liên tục sụt giảm.

Để thay đổi, Đại hội đồng cổ đông 2016 đã tín nhiệm bầu chọn Hội đồng quản trị mới với nhiệm vụ tạo động lực phát triển mới cho Công ty. Hội đồng quản trị (HDQT) với hầu hết là người mới, rất nhiệt huyết nhưng đều không có chuyên môn dược, trái với truyền thống lâu nay của Công ty Dược phẩm. Đây đó trong ngành dược và ngay trong nội bộ cũng có những cái nhìn hoang mang, nghi ngại, chưa tin tưởng vào sự dẫn dắt của HDQT mới; khiến cho việc đưa Công ty phát triển đã khó lại càng khó hơn.

Trong hoàn cảnh đó, HDQT đã từng bước tháo gỡ các khó khăn.

- ❖ HDQT xác định ưu tiên là bảo toàn vốn cổ đông, nên dù biết trước là kinh doanh sẽ khó khăn gấp bội, HDQT vẫn có quyết định đúng đắn và phải nói là hết sức dũng cảm là bán hàng thu tiền ngay, không bán trả chậm dưới mọi hình thức, nếu chưa trả ngay thì phải có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng. Thực tế đến nay, chủ trương này đã chứng minh hiệu quả, giúp tăng cường quản lý vốn – công nợ, tiết kiệm chi phí, và quan trọng nhất là được bạn hàng của Công ty chấp nhận.
- ❖ HDQT mới phải có tổ chức nhân sự mới, cần những người vừa có năng lực vừa có niềm tin tưởng vào sự thành công của Công ty, có nhiệt huyết, an tâm công tác dù chưa nhận được đãi ngộ tốt, biết chia sẻ và cùng gánh vác những khó khăn với Công ty. Lao động toàn Công ty bình quân hiện nay là 204 người, so với đầu nhiệm kỳ là 276 người, giảm 72 người (26%), giảm đều khắp các phòng ban, nhà máy ... Thực chất số giảm lớn hơn nhưng do được bổ sung lao động tốt hơn, giúp cho việc tinh giản tương đối có kết quả. Tuy nhiên, Công ty sẽ quan tâm hơn việc quy hoạch nguồn lực với lộ trình dài hạn, chú trọng đào tạo hình thành đội ngũ kế thừa, đặc biệt là cấp quản lý trung cao cấp.

- ❖ Để vực dậy doanh thu, nhiệm vụ cấp bách hàng đầu là giữ vững thị phần, thúc đẩy kinh doanh (nhưng vẫn không chấp nhận bán trả chậm). HĐQT vừa trực tiếp chỉ đạo kinh doanh vừa chiêu mộ nhân sự cấp cao có trình độ để tăng cường bán hàng, liên tục xem xét, thử nghiệm các biện pháp kinh doanh và cũng gặp không ít thất bại. HĐQT vẫn kiên trì không bỏ cuộc, thường xuyên rút kinh nghiệm, bài học. Công ty đã định hình được sách lược kinh doanh phù hợp với năng lực sản xuất và khả năng bán hàng hiện tại của Công ty.
- ❖ Xác định hoạt động sản xuất là cơ bản, trong 5 năm qua HĐQT tập trung chỉ đạo xây dựng - sửa chữa - cải tạo - nâng cấp toàn diện nhà máy, từ nhà xưởng, cho đến trang bị máy móc - thiết bị- hệ thống, vừa để tăng năng suất, giảm chi phí, vừa có thể tiếp cận sản phẩm công nghệ cao. Quản lý chất lượng, đảm bảo sản xuất phù hợp và đạt chuẩn WHO-GPs. Để tăng năng lực cạnh tranh, Công ty đã đưa ra chiến lược vừa đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị vừa tăng cường quản lý tiết kiệm chi phí, giảm thiểu các yếu tố tăng giá đột biến bất khả kháng, tìm kiếm nhiều nguồn vật tư nguyên liệu có giá cạnh tranh. Công ty cũng đã được xét duyệt thành công dây chuyền sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo tiêu chuẩn GMP, tái xét duyệt dây chuyền sản xuất thuốc GMP, kho GDP nhập khẩu thuốc thành phẩm.
- ❖ Phát triển nhóm sản phẩm mới bù đắp doanh thu nhóm sản phẩm cũ đã hết hạn - ngày càng giảm sức cạnh tranh trên thị trường. Nghiên cứu cải tiến, thay đổi thành phần nguyên liệu bào chế sản phẩm để linh hoạt giá phù hợp với nhiều phân khúc thị trường khác nhau như OTC, ETC ... tập trung sản xuất các mặt hàng thuộc diện có khách hàng bao tiêu hay độc quyền tiêu thụ với số lượng lớn, ổn định. Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, việc tổ chức nghiên cứu, tổ chức sản xuất và kịp thời đưa ra thị trường hàng năm vẫn chưa nhiều, thiếu sản phẩm mũi nhọn độc quyền, chưa đáp ứng kỳ vọng của HĐQT và của Công ty. Đây sẽ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ tới.

II. Tóm tắt tình hình hoạt động trong nhiệm kỳ 4:

1. Hoạt động kinh doanh (Một số chỉ tiêu chủ yếu):

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Nhiệm kỳ 4	Bình quân/năm	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	791,096	158,219	
	- Doanh thu dược phẩm	516,174	103,235	
	- Doanh thu bất động sản	234,930	46,986	
	- Hoạt động tài chính	35,080	7,016	
	- Thu nhập khác	4,912	0,982	
2	Lợi nhuận trước thuế	137,879	27,576	
3	Tỷ suất lợi nhuận	17,43%	17,43%	

2. Quan hệ với cổ đông:

Để có vốn đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty đã huy động trái phiếu chuyển đổi (tỷ lệ 1:1), sau 2 năm sẽ chuyển thành cổ phiếu. Đến nay, toàn bộ trái phiếu đã được chuyển thành cổ phiếu.

* Về thanh toán cổ tức, lãi trái phiếu

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn Giải	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Bình quân
Nguồn vốn của Chủ sở hữu	55.500	55.500	55.500	111.000	111.000	77.700
Cổ tức	9.990	9.990	16.650	13.320	11.100	12.210
Trái phiếu chuyển đổi		55.500	55.500			22.200
Tiền lãi trái phiếu		1.665	1.665			
Tổng tiền chi cho cổ đông	9.990	11.655	18.315	13.320	11.100	12.876

Dù sản xuất kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn, Công ty đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ bình quân 16%/năm quy ra tiền là hơn 12 tỷ/năm.

3. Công tác nhân sự, chính sách cho người lao động và hoạt động đoàn thể:

+ Trải qua 5 năm, lực lượng lao động toàn Công ty hiện nay đã ổn định, tin tưởng vào sự chỉ đạo của HĐQT và ban Tổng giám đốc, thái độ làm việc nghiêm túc, có kỹ thuật, hết lòng gắn bó với nhà máy – Công ty. Công ty cũng có chính sách khen thưởng động viên kịp thời, minh bạch và xứng đáng trong các dịp lễ lớn, chi lương tháng 13, 14 và thưởng đột xuất vào cuối năm.

+ Các hoạt động như khám sức khỏe định kỳ, tham quan nghỉ dưỡng vẫn được duy trì. Đặc biệt Công ty đã tổ chức cả những chuyến du lịch nghỉ dưỡng ở nước ngoài.

+ Tổ chức đối thoại và Hội nghị người lao động theo quy chế hoạt động của Công ty cổ phần để thông báo kịp thời các báo cáo kết quả SX-KD, các chính sách có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động, lắng nghe nguyện vọng tâm tư của người lao động, kịp thời giải quyết những vướng mắc để người lao động toàn tâm toàn ý đóng góp cho Công ty.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Chi bộ Đảng, Đoàn Thanh niên và các hoạt động xã hội khác, khuyến khích người lao động tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao trong những lúc rảnh rỗi để giải tỏa tâm lý, nâng cao sức khỏe.

4. Hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát:

+ Hội đồng Quản trị tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân công. Đặc biệt là những thành viên trực tiếp điều hành, họ đã nỗ lực không ngừng trong điều kiện sản xuất kinh doanh hết sức khó khăn. Ngoài việc tham gia quản lý Công ty hàng ngày, mỗi thành viên còn phải học hỏi những kiến thức về chuyên môn được, các qui định đặc thù trong sản xuất thuốc ... mới có thể điều phối bộ máy công ty hoạt động trơn tru.

+ Ban kiểm soát, trải qua các năm, tuy có nhiều biến động về nhân sự, nhìn chung hoàn thành trách nhiệm giám sát, đảm bảo tính minh bạch, khách quan của số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- ❖ Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 4 (2016 -2020), dù doanh thu vẫn chưa như mong muốn, nhưng vẫn là một thành công của toàn Công ty, đặc biệt là hai chỉ tiêu quan trọng nhất: lợi nhuận và cổ tức.
- ❖ Kết quả sản xuất kinh doanh của nhiệm kỳ này, dù chưa thể gọi là thành tích, nhưng cũng rất đáng tự hào và trân trọng, xứng đáng với sự bầu chọn và tin tưởng của cổ đông.
- ❖ Hội đồng Quản trị luôn xác định nhiệm vụ chính trong nhiệm kỳ này là tạo sức bật mới cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đây là nhiệm kỳ bản lề nhằm xây dựng lại nền móng của khâu sản xuất và phương hướng cho nhiệm kỳ tới.

Phần 2:

ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU NHIỆM KỲ 5 (2021-2025)

I. Một số chỉ tiêu cơ bản trong nhiệm kỳ 5:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch trong nhiệm kỳ 5:

- Doanh thu: Doanh thu được phẩm tăng trưởng bình quân từ 20%/năm so năm 2020.
- Lợi nhuận: Lợi nhuận được phẩm tăng trưởng bình quân từ 10%/năm so năm trước.
- Cổ tức: Từ 10%/năm trở lên.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2021:

- Tổng doanh thu và thu nhập: 135 tỷ đồng
- Tổng lợi nhuận trước: 26,5 tỷ đồng.
- Cổ tức: Từ 10%/năm trở lên.

II. Định hướng và nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với xu thế mới, tầm nhìn mới nhằm, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị điều hành phù hợp với quy mô và nâng cao hiệu quả quản lý;
- Cơ cấu lại mô hình quản lý; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người quản lý, điều hành;
- Phần đầu là doanh nghiệp sản xuất được phẩm có chất lượng tốt, ngày càng được khách hàng tín nhiệm và góp phần phục vụ công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đảm bảo hài hòa lợi ích Công ty, cổ đông và người lao động.
- Hoàn thiện và nâng cao năng lực sản xuất của Nhà máy hiện hữu; Chú trọng đầu tư máy móc, thiết bị cần thiết, hợp lý, cân nhắc để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh, tạo thuận lợi cho khâu tiêu thụ sản phẩm, cung ứng đủ và thời cho khâu tiêu thụ.
- Đầu tư, mở rộng năng lực kho hàng trong các Khu công nghiệp, ưu tiên vị trí gần nhà máy hiện hữu và hình thức sử dụng đất ổn định, lâu dài, đón đầu xu hướng.
- Củng cố, kiện toàn khâu nghiên cứu phát triển; khắc phục các mặt hạn chế yếu kém trong công tác nghiên cứu sản phẩm mới, công tác đăng ký lại sản phẩm kịp thời, chú trọng thêm sản phẩm kháng sinh, tìm mạch các sản phẩm dược liệu, thực phẩm chức năng, mỗi năm ít nhất đưa được 3-4 mặt hàng phù hợp nhu cầu thị trường vào sản xuất kinh doanh góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận.
- Tiếp tục hoàn thành xây dựng thêm nhà máy mới để mở rộng qui mô sản xuất các loại biệt dược có tiềm năng và các dạng thuốc mới như viên nang mềm, thuốc nhỏ tai, mắt, mũi, mẫu mã đẹp, phù hợp với yêu cầu thị trường.
- Công tác kinh doanh cần tổ chức lại trên cơ sở gọn và hiệu quả cao hơn, áp dụng tiến bộ mới trong khoán doanh số và quản lý mạng lưới kinh doanh mở rộng hơn, công tác chăm sóc khách hàng và chính sách giá hợp lý từng đối tượng và từng thời kỳ, chú trọng quảng cáo, giới thiệu sản phẩm mới và sản phẩm cần giới thiệu tới tay người tiêu dùng. Từng bước nghiên cứu thị trường để có thêm mặt hàng xuất khẩu.

- Quản lý, sử dụng, bảo vệ và phát triển nguồn vốn một cách an toàn, minh bạch. Công tác tài chính kế toán đảm bảo linh hoạt, chính xác, đúng pháp luật hỗ trợ tốt cho sản xuất kinh doanh và vì lợi ích Công ty.
- Công tác tổ chức nhân sự cần được quan tâm đặc biệt, tập trung sắp xếp lên kế hoạch tinh giảm đội ngũ lao động một cách hợp lý đồng thời bổ sung cán bộ có đầy đủ năng lực, phẩm chất theo đúng yêu cầu của vị trí chức năng của từng công việc, chú trọng tìm kiếm tuyển dụng thêm cán bộ giỏi chuyên môn ở các khâu trọng yếu, kèm theo chế độ đãi ngộ hợp lý để động viên và tạo điều kiện cho cán bộ giỏi, phát huy năng lực cống hiến cho Công ty. Đồng thời quan tâm và có chính sách hợp lý động viên đội ngũ CBCNV đóng góp xây dựng Công ty, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBCNV, tuyển chọn thêm cán bộ, công nhân giỏi ở các khâu cần thiết.
- Công tác đoàn thể, quan tâm đúng mức đời sống CBCNV, phối hợp với đoàn thể tổ chức tốt các phong trào thi đua, xây dựng Công ty ngày càng ổn định và vững mạnh.

Kết luận:

Với kết quả của nhiệm kỳ 4 và 4 nhiệm kỳ qua, Công ty đã khẳng định được thương hiệu và vị trí của mình trên thương trường. Đảm bảo được lợi ích của Công ty, lợi ích cổ đông và lợi ích của người lao động. Tuy nhiên, khó khăn thách thức vẫn còn phía trước. Trong năm 2021 và nhiệm kỳ 5 này Công ty chúng ta cần nỗ lực và quyết tâm đoàn kết nhất trí phát huy thế mạnh các mặt thuận lợi, khắc phục những mặt hạn chế yếu kém, cùng nhau chung sức chung lòng thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Chúng ta tin tưởng Công ty sẽ từng bước đi lên và đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao. Hội đồng Quản trị mới, Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV sẽ phấn đấu, nỗ lực để hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra đáp ứng sự tín nhiệm và bầu chọn của Quý Cổ đông.

Xin Kính trình Đại hội và kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi gửi:

- Như trên.
- Các TV HĐQT, BKS
- Ban TGD;
- Lưu HCNS

TMHội đồng Quản trị
Chủ tịch



Ngô Nam Thắng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2021

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH CHUNG

- Năm 2020 trong bối cảnh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn ngành Dược nói chung gặp không ít khó khăn và Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 (Nadyphar) cũng không ngoại lệ. Sự thiếu hụt nguồn nguyên liệu do ảnh hưởng bởi chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào tăng làm tăng giá thành sản phẩm. Đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, giảm thu nhập và cắt giảm chi tiêu, để ổn định thị phần các doanh nghiệp trong ngành đã đưa ra nhiều chính sách cạnh tranh nhằm giữ khách hàng, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận ngành.
- Sự thay đổi các quy định về đấu thầu thuốc và các quy định trong thanh toán của bảo hiểm y tế cũng tác động việc tham dự thầu cung ứng thuốc. Các thủ tục hồ sơ xin gia hạn hay cấp số visa mới phức tạp, thời gian kéo dài làm trì hoãn việc phát triển sản phẩm và mất cơ hội kinh doanh trên thị trường. Tình hình dịch bệnh (Covid-19) ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc gia hạn đăng ký thuốc & cấp visa mới cũng như tình hình kinh doanh.
- Thực hiện mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội cổ đông thông qua và dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, toàn thể cán bộ công nhân viên công ty Nadyphar đã nỗ lực cố gắng vượt qua những khó khăn thách thức và gặt hái được những thành công nhất định, giữ vững thương hiệu, hình ảnh Công ty trên thị trường.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2020

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

DVT: Tỷ đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ	
					TH 2020/TH 2019	TH 2020/KH 2020
1	Tổng doanh thu và thu nhập	96,960	135,000	106,822	110,17%	79,13%
2	Tổng chi phí	70,944	109,000	83,172	117,24%	76,30%
3	Lợi nhuận trước thuế	26,016	26,000	23,650	90,91%	90,96%
4	Lợi nhuận sau thuế	20,673	20,800	20,229	97,86%	97,26%
5	Tỷ suất LN trước thuế	26,83%	19,26%	22,14%		
6	Cổ tức	12,00%	≥10%	10,00%		
7	Thu nhập BQ người LĐ (đồng/người/tháng)	8.959.000		8.992.000		

- Tổng doanh thu và thu nhập năm 2020 tuy chưa đạt được kế hoạch đề ra nhưng đã vượt 10,17% so với năm 2019. Mặc dù Công ty đã chủ động cắt giảm một số chi phí bán hàng và chi phí quản lý nhưng không đủ bù đắp khoản tăng do nguyên vật liệu đầu vào và chi phí nhân viên nên lợi nhuận trước thuế giảm 9,09% so với năm 2019.

- Trong năm công ty cũng đã đánh giá, phân tích nguồn hàng để cơ cấu lại danh mục sản phẩm, đẩy mạnh việc cho khách hàng độc quyền, bao tiêu nhằm giảm chi phí nhưng mang lại hiệu quả bán hàng cao hơn nhưng việc này chưa đạt được như kỳ vọng.
- Công ty vẫn theo mục tiêu áp dụng chính sách quản lý công nợ bán hàng chặt chẽ và ưu tiên bảo đảm an toàn, phát triển nguồn vốn.

2. Hoạt động đầu tư - cải tiến quy trình & nghiên cứu sản phẩm năm 2020

- Thực hiện hoàn thiện hệ thống chất lượng cho toàn nhà máy, rà soát chỉnh sửa bổ sung các SOPs, tăng cường công tác kiểm tra trong quá trình sản xuất, siết chặt vấn đề vệ sinh, dư phẩm, phế phẩm và đánh giá việc hợp lý hóa các qui trình nhằm nâng cao hiệu quả. Tuy nhiên các hoạt động này cũng chưa đạt kết quả như mong muốn do thiếu nhân sự có trình độ chuyên môn đáp ứng và công tác kiểm tra giám sát chưa được thực hiện nghiêm túc.
- Công tác kiểm tra chất lượng cũng được công ty quan tâm và chú trọng đầu tư kịp thời như máy sắc ký lỏng, máy siêu âm đo độ ẩm, máy in cho cân phân tích... Tăng cường tham gia giải quyết các vấn đề kỹ thuật, chất lượng trong hoạt động sản xuất.
- Ổn định và cải tiến quy trình sản xuất cho các sản phẩm hiện có nhằm tăng năng suất và giảm chi phí sản xuất, cụ thể các sản phẩm sau:
 - + Đầu tư thiết bị: máy dán nhãn tự động: áp dụng cho các chai thuốc nước (Betasisphon; Nadyphytol; ...) chai phân NadyROSA (dán thủ công 2 mặt). Máy xát cốm cao tốc: phù hợp với qui trình sản xuất, năng suất cao, dễ sử dụng và vệ sinh khi chuyển đổi mặt hàng.
 - + Nâng cỡ lô các sản phẩm doanh số cao, phù hợp với thiết bị (giảm công sản xuất, chi phí kiểm nghiệm, ...)
 - + Bổ sung thêm nguồn nguyên liệu; đa dạng hóa nhu cầu sử dụng.
 - + Thay đổi dịch bao phim sang hệ tự pha với các thành phần cơ bản, dễ mua khi có nhu cầu sử dụng so với hệ pha sẵn phải đặt hàng - nhập khẩu và đóng gói lớn; rủi ro khi không sử dụng hết.
- Công tác nghiên cứu sản phẩm mới năm 2020:
 - + Đăng ký sản phẩm: Đã được cấp số đăng ký thuốc: 10 thuốc (Đợt 167; 167bs; 168).
 - + Đã được cấp số công bố mỹ phẩm: 08 sản phẩm.
 - + Cho phép duy trì hiệu lực số đăng ký 12 tháng: 16 thuốc.
 - + Đăng ký thay đổi nhỏ chỉ yêu cầu thông báo (đổi tên Công ty): 20 thuốc
- Sản phẩm của NADYPHAR: Đã và đang thực hiện nghiên cứu các thuốc mới
 - + Nộp hồ sơ đăng ký vào Cục Quản lý Dược: 50 thuốc.
 - + Nộp hồ sơ công bố vào Cục An toàn thực phẩm: 01 sản phẩm.
 - + Thử tương đương sinh học: 01 thuốc (Metoblock 50) (kết quả đạt).

3. Tổ chức Nhân sự và các chính sách cho người lao động

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động theo đúng qui định và thỏa thuận trong hợp đồng lao động, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, quyền lợi của người lao động, khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tham quan du lịch, các chế độ nghỉ phép, nghỉ thai sản, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... luôn được công ty chú trọng thực hiện.
- Chính sách lương thưởng trong các ngày lễ, tết trong năm cũng được công ty đảm bảo, thu nhập bình quân năm 2020 là: 8.992.000đ/người/tháng

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận năm 2021

ĐVT: Tỷ đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	So sánh
				KH 2021/TH 2020
1	Tổng doanh thu và thu nhập	106,822	135,000	126,38%
2	Tổng chi phí	83,172	108,500	130,45%
3	Lợi nhuận trước thuế	23,650	26,500	112,05%
4	Lợi nhuận sau thuế	20,229	21,200	104,80%
5	Tỷ suất LN trước thuế	22,14%	19,63%	
6	Cổ tức	10,00%	≥10%	

2. Phương hướng:

❖ Về kinh doanh

- Tăng cường tạo dựng hình ảnh của công ty đối với khách hàng, đối tác và người tiêu dùng. Lấy khách hàng làm trọng tâm cho sự phát triển kinh doanh và dịch vụ. Tích cực ứng dụng các công nghệ vào hoạt động kinh doanh nhằm tăng cường hiệu quả.
- Tiếp tục áp dụng chính sách bán hàng đã phù hợp cho khách si, lẻ & các nhà phân phối theo phân cấp.
- Đánh giá thị trường & hoạch định chiến lược, nâng cao doanh số bán hàng.
- Xây dựng, ổn định đội ngũ bán hàng lâu dài với chính sách tối ưu.
- Duy trì >90% khách hàng hiện hữu. Tiếp tục phát triển khách hàng mới.
- Mở rộng (>80%) các tỉnh thành cả nước kinh doanh sản phẩm Nadyphar
- *Chọn SP chủ lực làm đường dẫn:* Pecaldex, Enteric, Alumina, Carbogast, Berberal... thông qua các chương trình khuyến mãi tháng, quý, năm.
- *Chiến lược Marketing:* Trưng bày sản phẩm, tổ chức các hội nghị, hội thảo, dùng thử sản phẩm, tư vấn online ...
- Cơ cấu danh mục các sản phẩm chủ lực của công ty. Mở rộng danh mục đầu thầu cung ứng cho khối điều trị. Tăng cường tìm kiếm đối tác sản xuất gia công, xây dựng đơn giá hợp lý cạnh tranh nhằm tăng năng suất nhà máy.

❖ Về sản xuất

- Đầu tư trang thiết bị máy móc, hợp lý hóa các quy trình sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, chi phí sản xuất nhằm giảm giá thành sản phẩm.
- Tăng cường công tác R&D nhằm tăng số lượng sản phẩm mới đưa vào sản xuất trong năm 2020. Hoàn thiện hồ sơ xin số đăng ký mới để phát triển những sản phẩm có chất lượng mang tính cạnh tranh cao và có giá trị lớn.
- Đưa vào sử dụng, nghiệm thu các máy móc thiết bị đã được trang bị đầu tư và chạy thử. Có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, thẩm định, hiệu chuẩn định kỳ các máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất
- Chia sẻ chiến lược & mục tiêu Công ty để ra để tất cả CBCNV nhận thức & hiểu được chiến lược Công ty và cùng nhau hướng đến mục tiêu chung.
- Kết hợp kế hoạch kinh doanh & sản xuất hiệu quả.

- Kiểm soát chi phí vận hành tối ưu.
- Kiểm soát hiệu suất hoạt động thiết bị hiện hữu. Đầu tư thiết bị mới, kiểm soát công suất và chất lượng sản phẩm (theo nhu cầu cho từng giai đoạn).
- Kiểm soát hiệu suất nhân công hợp lý – hiệu quả.
- Kiểm soát hao hụt, thất thoát nguyên vật liệu, vật tư.
- Quy trình sản xuất tối ưu (giám hư hỏng sản phẩm).

❖ **Nguồn nhân lực**

- Xây dựng giá trị cốt lõi của Cty:
 - + Trung thực;
 - + Thực tế;
 - + Tự chủ;
 - + Cam kết;
 - + Nhiệt huyết.
- Có kế hoạch đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng các mục tiêu phát triển của công ty. Đặc biệt chú trọng tuyển dụng & đào tạo đội ngũ nhân viên bán hàng có kinh nghiệm, năng lực.
- Xây dựng chính sách tiền lương phù hợp, chính sách và hình thức tuyển dụng linh hoạt nhằm đảm bảo tuyển dụng và giữ chân được người lao động có năng lực cho công ty.

KẾT LUẬN:

Hoạt động kinh doanh trong năm 2020, công ty đã gặp không ít khó khăn trên nhiều lĩnh vực hoạt động sản xuất và kinh doanh nhưng với tinh thần quyết tâm, kiên định, Hội đồng Quản trị đã cố gắng duy trì hoạt động ở mức cân bằng không quá tụt giảm để có nền tảng cùng cố vững dậy hoạt động. Với tinh thần nỗ lực, đoàn kết, kiên định theo mục tiêu chiến lược đã đề ra: lấy chất lượng làm nền tảng, lấy khách hàng làm trọng tâm, công ty sẽ bằng mọi cách, tận dụng mọi nguồn lực đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 nhằm đảm bảo phát triển doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch đề ra, hài hòa lợi ích của cổ đông, phát triển nguồn vốn và đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể người lao động trong công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông./.

Nơi gửi:

- Như trên.
- Các TV HĐQT, BKS
- Ban TGD;
- Lưu HCNS

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



Ngô Nam Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9 NĂM 2020 *(Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021)*

I. Nhân sự:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 năm 2021 nhiệm kỳ 2016 – 2020 gồm các thành viên sau:

- | | |
|----------------------------|---------------------------------------|
| 1. Ông Ngô Nam Thắng | – Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty. |
| 2. Ông Huỳnh Nguyên Thanh | – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. |
| 3. Ông Hoàng Xuân Minh Trí | – Thành viên Hội đồng quản trị. |
| 4. Bà Trịnh Bích Dung | – Thành viên Hội đồng quản trị. |
| 5. Ông Nguyễn An Giang | – Thành viên Hội đồng quản trị. |

Trong năm 2020 Hội đồng Quản trị có thay đổi về nhân sự. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua việc miễn nhiệm ông Phạm Ngọc Tú – Phó Chủ tịch HĐQT và bầu ông Huỳnh Nguyên Thanh bổ sung vào Hội đồng Quản trị.

II. Hoạt động của Hội đồng Quản trị :

Căn cứ Nghị quyết số 37/20NQ-NDP ngày 27/03/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị thực hiện quản trị công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ đề ra theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị đặt trọng tâm vào các nội dung sau :

- Định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc, ban điều hành.
- Rà soát và tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp.
- Phê duyệt các nội dung, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

III. Các cuộc họp và nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

- Tổng số cuộc họp : Hội đồng Quản trị tổ chức 12 cuộc họp định kỳ/đột xuất dưới hình thức họp trực tiếp và các hình thức khác, các cuộc họp đều đạt tỷ lệ 100% thành viên tham dự.

- Tổng số Nghị quyết ban hành : Chủ tịch Hội đồng Quản trị ban hành 09 nghị quyết liên quan đến các vấn đề nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị công ty.

IV. Hoạt động giám sát và đánh giá của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc & người điều hành khác :

- Hội đồng Quản trị phân công cho Phó Chủ tịch trực tiếp kiểm tra, giám sát công tác vận hành của công ty.
- Hội đồng quản trị theo sát và giám sát Ban Tổng Giám đốc để triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị Quyết/ Quyết định của HĐQT ban hành.
- Hội đồng Quản trị đánh giá rằng, năm 2020 là một năm cực kỳ khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 nhưng Ban Tổng Giám đốc và những người điều hành khác đã có những nỗ lực rất đáng ghi nhận để thực hiện nhiệm vụ được giao, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác, điều hành công ty theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

V. Giao dịch với người có liên quan :

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ G.B Sài Gòn	Cổ đông lớn	- Bán hàng (17 giao dịch): 663.383.544 đ - Trả hàng (1 giao dịch): 424.277.403 đ - Cho thuê Bất động sản (4 giao dịch): 2.379.199.200 đ - Trả cổ tức: 2.981.271.600	
2	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông lớn đồng thời là cổ đông nhà nước	- Bán hàng (bao gồm cả bán cho Chi nhánh – 176 giao dịch): 6.034.939.052 đ - Trả hàng (3 giao dịch): 233.818.200 đ - Mua hàng (12 giao dịch): 1.468.718.162 đ - Trả cổ tức: 1.931.400.000	

Các giao dịch đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

VI. Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát :

Công ty thực hiện thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo đúng quy định.

Tổng thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 là: 789.500.000đ

VII. Kế hoạch hoạt động năm 2021:

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt chiến lược kinh doanh, kế hoạch đầu tư, tài chính và các công tác tổ chức đào tạo nhân sự hướng tới sự phát triển bền vững.
- Nâng cao năng lực quản trị công ty; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, điều hành đủ chuyên môn, năng lực; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu.
- Chỉ đạo tiếp tục tái cấu trúc hệ thống Nadyphar theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sự phát triển bền vững bền vững của công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ
- HĐQT, BKS
- Ban điều hành
- Lưu P.HCNS

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGÔ NAM THẮNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9
NADYPHAR
Số: 54 /2021/TT_NDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tp. HCM, Ngày 04 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua mức trích các quỹ năm 2020

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9;
- Căn cứ Biên bản họp ngày 31/03/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 về việc thông qua tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức trích các quỹ năm 2020 như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển : 15%
- Quỹ phúc lợi : 01%
- Quỹ khen thưởng : 10%
- Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị : 05%

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận.

- ❖ Nơi nhận:
 - Đại hội đồng Cổ đông ;
 - Các thành viên HĐQT, BKS;
 - Lưu: HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Ngô Nam Thắng



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9
NADYPHAR
Số: 55 /2021/TT_NDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tp. HCM, Ngày 04 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua mức cổ tức năm 2020

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9;
- Căn cứ Biên bản họp ngày 31/03/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 về việc thông qua tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức cổ tức năm 2020 như sau:

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 : 10% bằng tiền mặt

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận.

- ❖ Nơi nhận:
 - Đại hội đồng Cổ đông;
 - Các thành viên HĐQT, BKS;
 - Lưu: HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Ngô Nam Thắng

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
<i>Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....</i>	<i>4</i>
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	5
<i>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....</i>	<i>5</i>
<i>Điều 3 : Người đại diện theo pháp luật của công ty</i>	<i>5</i>
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
<i>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....</i>	<i>6</i>
<i>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty.....</i>	<i>7</i>
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	7
<i>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....</i>	<i>7</i>
<i>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....</i>	<i>8</i>
<i>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</i>	<i>8</i>
<i>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....</i>	<i>9</i>
<i>Điều 10. Thu hồi cổ phần</i>	<i>9</i>
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
<i>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</i>	<i>9</i>
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
<i>Điều 12. Quyền của cổ đông</i>	<i>10</i>
<i>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</i>	<i>11</i>
<i>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>12</i>
<i>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>13</i>
<i>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>14</i>
<i>Điều 17. Thay đổi các quyền.....</i>	<i>15</i>
<i>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>16</i>
<i>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>17</i>
<i>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>17</i>
<i>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....</i>	<i>19</i>
<i>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>20</i>
<i>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>21</i>

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	26
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 31. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan.....	28
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	29
Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty.....	29
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	30
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 35. Người điều hành Công ty.....	30
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	31
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	32
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	32
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát.....	32
Điều 39. Trưởng ban kiểm soát.....	33
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	33
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	34
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	34
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng.....	34
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	34
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	35
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	36
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	36
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	36
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	36
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	37
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	37

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	37
<i>Điều 48. Tài khoản ngân hàng</i>	<i>37</i>
<i>Điều 48. Năm tài chính.....</i>	<i>37</i>
<i>Điều 49. Chế độ kế toán</i>	<i>38</i>
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	38
<i>Điều 50. Báo cáo tài chính năm</i>	<i>38</i>
<i>Điều 51. Báo cáo thường niên.....</i>	<i>38</i>
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	38
<i>Điều 52. Kiểm toán.....</i>	<i>38</i>
XVII. CÔNG KHAI LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN.....	39
<i>Điều 53. Công khai lợi ích có liên quan.....</i>	<i>39</i>
XVIII. DẤU CỦA CÔNG TY	40
<i>Điều 54. Dấu của công ty.....</i>	<i>40</i>
XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY	40
<i>Điều 55. Giải thể công ty.....</i>	<i>40</i>
<i>Điều 56. Gia hạn hoạt động</i>	<i>40</i>
<i>Điều 57. Thanh lý.....</i>	<i>40</i>
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
<i>Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i>	<i>41</i>
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	41
<i>Điều 59. Điều lệ công ty.....</i>	<i>41</i>
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	42
<i>Điều 60. Ngày hiệu lực.....</i>	<i>42</i>

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. **Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. **Vốn có quyền biểu quyết** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. **Luật Doanh nghiệp** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. **Luật Chứng khoán** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. **Việt Nam** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. **Ngày thành lập** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. **Người điều hành công ty** là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị xét thấy cần bổ nhiệm bằng Nghị quyết của HĐQT và đưa vào thành phần Người điều hành tùy theo từng thời kỳ.
 - h. **Người quản lý** là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phụ trách nhà máy.
 - i. **Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. **Cổ đông sáng lập** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - l. **Cổ đông lớn** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m. **Thời hạn hoạt động** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n. **Sở giao dịch chứng khoán** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
 - o. **Công ty** là Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2/9.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt : Công Ty Cổ phần Dược phẩm 2/9.
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh : National Day Pharmaceutical Joint Stock Company
- Tên công ty viết tắt : NADYPHAR

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính : 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (8428) 38687347 – 38688474
- Fax : (8428) 38687351
- E-mail : nadyphar@nadyphar.com.vn
- Website : www.nadyphar.com.vn



- Logo

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3 : Người đại diện theo pháp luật của công ty

Công ty có 04 (bốn) người đại diện theo pháp luật. Bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
2. Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thường trực;
3. Tổng Giám đốc;
4. Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nhà máy;

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật :

1. **Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị:** Thực hiện chức năng quản trị, lãnh đạo chung về mặt định hướng, chiến lược của Công ty. Toàn quyền đại diện cho công ty ký kết các văn bản trong tất cả các lĩnh vực và trong tất cả giao dịch, hợp đồng các quan hệ phát sinh giữa Công ty với các cá nhân, tổ chức và cơ quan Nhà nước.
2. **Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thường trực:** Thực hiện chức năng quản trị điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị,

Bảng phân định thẩm quyền, ủy quyền của Hội Đồng Quản trị/Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và pháp luật về những hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. **Tổng giám đốc:** Thực hiện chức năng quản trị điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Bảng phân định thẩm quyền, ủy quyền của Hội Đồng Quản Trị và Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và pháp luật về những hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
4. **Phó Tổng giám đốc phụ trách Nhà máy :** Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến chuyên môn Dược và chất lượng hàng hóa của toàn công ty. Thực hiện chức năng quản trị điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Bảng phân định thẩm quyền, ủy quyền của Hội Đồng Quản Trị và Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và pháp luật về những hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Việc phân định thẩm quyền chi tiết cho từng người đại diện pháp luật được quy định tại các văn bản ủy quyền và/hoặc các văn bản phân cấp, phân quyền do Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị ban hành, bổ sung, sửa đổi.

Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.
2. Trung thành với lợi ích của công ty, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty :
 - Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Chi tiết: Sản xuất dược phẩm)
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm. Bán buôn trang sức. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da. Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. Bán buôn, xuất nhập khẩu mỹ phẩm; Bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; kinh doanh thuốc y học cổ truyền; Bán buôn nguyên liệu làm thuốc)
 - Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Gia công, sản xuất bao bì dược phẩm).
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê mặt bằng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho)
 - Sản xuất thực phẩm chức năng.

- Bán buôn thực phẩm (Kinh doanh thực phẩm chức năng. Bán buôn, xuất nhập khẩu thực phẩm chức năng)
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ logistic trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).
 - Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh).
 - Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn, xuất nhập khẩu máy móc, trang thiết bị y tế).
 - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Bán buôn bạc và kim loại quý, trừ mua bán vàng miếng).
 - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức. Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ).
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ. Bán buôn đồ lưu niệm. Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt).
 - Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm).
 - Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế).
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty : huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực Dược phẩm và một số lĩnh vực khác được quy định tại khoản 1 Điều 4, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 111.000.000.000 VNĐ (Một trăm mười một tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 11.100.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 & Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật doanh nghiệp;
 - i. Được đòi xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần

- của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề nghị Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông xem xét tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
4. Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;

7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn [04] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá [06] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp & Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại

điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty.
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau :
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- k. Quyết định việc bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
- p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Cụ thể như sau :
 - (i) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
 - (ii) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
 - (iii) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- s. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- t. Các vấn đề khác theo quy định tại pháp luật và Điều lệ này.

Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Xác định thời gian, địa điểm tổ chức đại hội .
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội, tài liệu sử dụng trong đại hội.
 - d. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - f. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu dự kiến sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- b. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
 3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
 5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
 9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;
 - g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
 - h. Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Tỷ lệ như sau :
 - a. Từ (10%) đến dưới (20%) được đề cử một (01) ứng viên;

- b. Từ (20%) đến dưới (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c. Từ (30%) đến dưới (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d. Từ (40%) đến dưới (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e. Từ (50%) đến dưới (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - f. Từ (60%) đến dưới (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - g. Từ (70%) đến dưới (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - h. Từ (80%) đến dưới (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau :
- a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ [05] đến [07] người.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá [05] năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương pháp làm tròn xuống.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế.
 - a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
 - b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

- c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều này.
- 5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
- 6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch/Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các hành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội Đồng Quản trị;
 - g. Thay mặt Hội Đồng Quản Trị phê duyệt các chủ trương về ngân sách tài chính, chỉ đạo điều hành và giám sát công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác, phê duyệt các dự án thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị và người đại diện pháp luật;
 - h. Thay mặt HĐQT phê duyệt cơ cấu tổ chức, các quy chế để quản trị nội bộ và các chính sách của Công ty, các văn bản ủy quyền, phân quyền cho Ban Tổng giám đốc nhằm phục vụ lợi ích Công ty theo thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.
 - i. Các thẩm quyền khác thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị căn cứ theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;
 - j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được quyền thay mặt Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị để thực hiện thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị/Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị hoặc theo văn bản phân công, ủy quyền từ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.
6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [05 ngày] làm việc trước ngày họp Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
 - Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
 - Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 31. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

- Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
- Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông

báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị xét thấy cần bổ nhiệm bằng Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và đưa vào thành phần Người điều hành tùy theo từng thời kỳ.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng Quản trị quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Sau thời gian hoạt động, nếu kết quả sản xuất kinh doanh không tốt, Tổng Giám Đốc không hoàn thành nhiệm vụ, có thể xin từ chức hoặc do Hội đồng Quản trị quyết định Tổng Giám Đốc có tiếp tục điều hành hoặc bãi nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - f. Quyết định các vấn đề hàng ngày của Công ty và bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản, xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với hạn mức và thẩm quyền do Hội Đồng Quản Trị, chủ tịch Hội Đồng Quản Trị giao cho tại các văn bản ủy quyền và văn bản phân định thẩm quyền.
 - g. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp;
 - h. Vào tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - j. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua;
 - k. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc sản xuất, kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với

công ty và nghị quyết, ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

6. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là [03 người]. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
 - c. Không phải là người của doanh nghiệp có cùng ngành sản xuất kinh doanh chính của Công ty;
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 39. Trưởng ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm

soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn [35%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn bằng hoặc lớn hơn [35%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [35%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy phép đăng ký kinh doanh) đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên

quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CÔNG KHAI LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN.

Điều 54. Công khai lợi ích có liên quan.

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
 - c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
 - d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

XVIII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 55. Dấu của công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 56. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 57. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy [07] tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 58. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu [06] tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba [03] thành viên. Hai [02] thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một [01] thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty

trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa :
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [10] ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu [06] tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm [22 mục, 61 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9 nhất trí thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành [08] bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai [1/2] tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



NGÔ NAM THẮNG



NADYPHAR

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9
NADYPHAR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../2021/TT_NDP

TP.HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9.

Kính trình: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn chi tiết thi hành Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số: 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông :

1. Thông qua những nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 (bản dự thảo kèm theo).
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty, kể cả việc bổ sung, làm rõ và tiếp tục chủ động tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của công ty.
3. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị ban hành, bổ sung, sửa đổi Bảng phân định thẩm quyền giữa những đại diện pháp luật của Công ty trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.
4. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan trong việc thực hiện báo cáo, đăng ký với cơ quan chức năng theo quy định.
5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định nội bộ khác (nếu có) có liên quan cho phù hợp với Điều lệ mới.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và chấp thuận.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: P.HCNS.



BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9

Giải trình :

1. Lý do sửa đổi, bổ sung :

- _ Theo quy định tại Khoản 20 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn chi tiết thi hành Luật chứng khoán
- _ Cập nhật theo tình hình hiện tại và định hướng phát triển, hoạt động của công ty trong giai đoạn sắp tới.

2. Căn cứ pháp lý :

- _ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- _ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- _ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn chi tiết thi hành Luật chứng khoán
- _ Thông tư số: 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020

3. Các chữ viết tắt :

- _ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 : *Luật Doanh nghiệp* hoặc *Luật DN*
- _ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 : *Luật Chứng khoán* hoặc *Luật CK*
- _ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn chi tiết thi hành Luật chứng khoán : *Nghị định 115* hoặc *NĐ 155*
- _ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 : *Thông tư 116* hoặc *TT116*
- _ Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 : *Điều lệ mẫu*

4. Trong Bản tổng hợp này:

- _ Đây là bản Tổng hợp, giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đối chiếu giữa Điều lệ hiện tại và Điều lệ mẫu nên sẽ có những điểm chưa hợp lý trong việc đánh số thứ tự điều, khoản, mục (do các nội dung, bố cục hai bản có nhiều điểm khác nhau). Tuy nhiên, trên bản Dự thảo Điều lệ vấn đề này đã được khắc phục nhằm đảm bảo tính hợp lý.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH 



NGÔ NAM THẮNG

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	
a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;	a) "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	Sửa đổi phù hợp khoản I Điều 112 Luật doanh nghiệp
Chưa có	b) <u>Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u>	Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 4 Luật doanh nghiệp
b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;	c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	Sửa đổi phù hợp ngày ban hành LDN 2020.
c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Sửa đổi phù hợp ngày ban hành LCK 2019.
i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;	Giữ nguyên	
d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;	Giữ nguyên	
đ. "Người quản lý" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. "	h) " Người quản lý" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phụ trách nhà máy	Sửa đổi theo Khoản 24 Điều 4 Luật DN & tình hình cụ thể của công ty
"Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;	"Người điều hành công ty" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh khác do <u>Hội đồng Quản trị xét thấy cần bổ nhiệm bằng Nghị quyết của HĐQT và đưa vào thành phần Người điều hành tùy theo từng thời kỳ.</u>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 3 ND 155
e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Cập nhật điều khoản tham chiếu phù hợp với Luật CK 2019
Chưa có	k) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;	Bổ sung theo Điều lệ mẫu, Khoản 3 Điều 4 Luật DN
g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;	m) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Cập nhật điều khoản tham chiếu phù hợp với Luật CK 2019
h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	Giữ nguyên	
Chưa có	o) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu,
Chưa có	p) Công ty là Công ty Cổ phần Được phẩm 2/9	
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.	Giữ nguyên	
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.	Giữ nguyên	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của cty	Tách phần Người đại diện pháp luật thành Điều riêng
1. Tên Công ty	Giữ nguyên	
<input type="checkbox"/> Tên công ty viết bằng tiếng Việt: Công Ty Cổ phần Dược phẩm 2/9.		
<input type="checkbox"/> Tên công ty viết bằng tiếng Anh: National Day Pharmaceutical Joint Stock Company of HCM City	<input type="checkbox"/> Tên công ty viết bằng tiếng Anh: National Day Pharmaceutical Joint Stock Company	Sửa đổi phù hợp với tên trên Giấy CNĐKDN
<input type="checkbox"/> Tên công ty viết tắt: NADYPHAR	Giữ nguyên	
2. Công ty là công ty có phần tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.	Giữ nguyên	
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:	Giữ nguyên	
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	Giữ nguyên	
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.	Điều chỉnh điều khoản dẫn chiếu
	Điều 3 : Người đại diện theo pháp luật của công ty	
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:	Người đại diện theo pháp luật của Công ty:	
Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật.	Công ty có 04 (bốn) người đại diện theo pháp luật. Bao gồm: 1.Chủ tịch Hội đồng Quản trị; 2.Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; 3. Tổng Giám đốc; 4.Phó Tổng Giám đốc phụ trách nhà máy.	Sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế của cty
a. Thành phần và phân định trách nhiệm của từng người đại diện theo pháp luật được quy định như sau:	Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật :	
- Người đại diện theo pháp luật thứ nhất – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị: Thực hiện chức năng quản trị, lãnh đạo chung về mặt định hướng, chiến lược của Công ty. Toàn quyền đại diện cho công ty ký kết các văn bản trong tất cả các lĩnh vực và trong tất cả giao dịch, hợp đồng các quan hệ phát sinh giữa Công ty với các cá nhân, tổ chức và cơ quan Nhà nước.	- Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị: Thực hiện chức năng quản trị, lãnh đạo chung về mặt định hướng, chiến lược của Công ty. Toàn quyền đại diện cho công ty ký kết các văn bản trong tất cả các lĩnh vực và trong tất cả giao dịch, hợp đồng các quan hệ phát sinh giữa Công ty với các cá nhân, tổ chức và cơ quan Nhà nước.	
Chưa có	_ Phó Chủ tịch HĐQT thường trực - Điều hành : Thực hiện chức năng quản trị điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Bảng phân định thẩm quyền, ủy quyền của Hội Đồng Quản Trị và Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và pháp luật về những hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của công ty
- Người đại diện theo pháp luật thứ hai – Tổng giám đốc: Thực hiện chức năng quản trị điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Bảng phân định thẩm quyền, ủy quyền của Hội Đồng Quản Trị và Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và pháp luật về những hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	_ Tổng giám đốc: Thực hiện chức năng quản trị điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Bảng phân định thẩm quyền, ủy quyền của Hội Đồng Quản Trị và Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và pháp luật về những hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
Chưa có	<u>Phó Tổng giám đốc phụ trách Nhà máy</u> : Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến chuyên môn Dược và chất lượng hàng hóa của toàn công ty. Thực hiện chức năng quản trị điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Bảng phân định thẩm quyền, ủy quyền của Hội Đồng Quản Trị /Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và pháp luật về những hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của công ty
- Việc phân định thẩm quyền chi tiết cho từng người đại diện pháp luật được quy định tại các văn bản ủy quyền hoặc bảng phân định thẩm quyền do Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị ban hành, bổ sung, sửa đổi.	- Việc phân định thẩm quyền chi tiết cho từng người đại diện pháp luật được quy định tại các văn bản ủy quyền và/hoặc các văn bản phân cấp, phân quyền do Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị ban hành, bổ sung, sửa đổi.	
b. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm: - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.	b. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm: - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.	Sửa đổi phù hợp với điều 13 Luật DN
- Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.	- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.	Sửa đổi phù hợp với điều 13 Luật DN
Chưa có	Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung theo Điều 13 LDN.
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY		
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	
1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh dược phẩm: sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm. Gia công, sản xuất bao bì dược phẩm, sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế, mỹ phẩm, xuất nhập khẩu thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế, mỹ phẩm. Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng; đầu tư xây dựng, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Cho thuê văn phòng, cho thuê kho. Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng. Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật.	Sửa lại chi tiết theo nội dung ngành nghề kinh doanh của công ty đăng trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực Dược phẩm và một số lĩnh vực khác được quy định tại Điều 3.1, đồng thời nâng cao hiệu quả, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.	2. Mục tiêu hoạt động của Công ty : huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực Dược phẩm và một số lĩnh vực khác được quy định tại khoản 1 Điều 4, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.	Sửa lại cho rõ ý và điều chỉnh Điều khoản dẫn chiếu
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của cty	
1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia	Sửa đổi, bổ sung cho rõ ý theo Điều lệ mẫu
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Bãi bỏ	Do trùng với ý trên
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP		
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
1. Vốn điều lệ của Công ty là 111.000.000.000 VND (Một trăm mười một tỷ đồng Việt Nam). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 11.100.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	Giữ nguyên	
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Giữ nguyên	
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 & Điều 12, Điều lệ này.	3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 & Điều 13, Điều lệ này.	Sửa điều khoản dẫn chiếu
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Giữ nguyên	
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.	Giữ nguyên	
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.	Giữ nguyên	
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.	7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.	Sửa cho rõ ý
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	
1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.	Giữ nguyên	
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13.	2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 121 Luật DN
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Giữ nguyên	
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:	Sửa đổi theo Khoản 3, Điều 121 Luật DN
	a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
	b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	
Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	<u>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</u>	Sửa lại theo Điều lệ mẫu cho rõ rõ ý
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	
1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Giữ nguyên	
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên	
Điều 9. Thu hồi cổ phần	Điều 10. Thu hồi cổ phần	
1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.	Bổ sung nhằm làm rõ ý điển đạt.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.	Giữ nguyên	
3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.	Giữ nguyên	
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Cập nhật điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp và sửa đổi theo Điều lệ mẫu cho rõ nghĩa
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 10%/năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải <u>chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.</u> Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 10 Điều lệ mẫu, phù hợp Thông tư 116
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.	Giữ nguyên	
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	
Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:	Giữ nguyên	
1. Đại hội đồng cổ đông;		

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
2. Hội đồng Quản trị;		
3. Ban kiểm soát.		
4. Tổng giám đốc.		
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 12. Quyền của cổ đông	
1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.	Bãi bỏ	Trùng với nội dung tại Điều 1 Điều lệ này
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:	
a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 115 Luật DN
b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Giữ nguyên	
c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;	Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 115 Luật DN
d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;	Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 115 Luật DN
đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	d) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;	Điều chỉnh cho rõ ý theo Khoản 1 Điều 115 Luật DN
e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	Giữ nguyên	
g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;	Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 115 Luật DN
h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật doanh nghiệp;	Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 115 Luật DN
i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này và pháp luật tùy theo các loại cổ phần khác nhau mà Công ty có thể phát hành sau này.	i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.	Sửa lại cho ngắn gọn, rõ ý
Chưa có	j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 điều 41 Luật CK và điều 271 Nghị định 155
Chưa có	k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;	
Chưa có	l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	
Chưa có	m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	
Chưa có	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau;	Sửa đổi phù hợp khoản 2, 5 Điều 115 LDN 2020

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
Chưa có	a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	Sửa đổi điều khoản dẫn chiếu phù hợp với Luật DN
Chưa có	b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	Bổ sung phù hợp điểm a khoản 2 Điều 115 LDN
Chưa có	c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 2 Điều 115 LDN
Chưa có	d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;	Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 142 LDN
Chưa có	đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:	Bổ sung, sửa đổi theo Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp
a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 33 Điều lệ này;	a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;	
	b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	
b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH 13;	Bãi bỏ vì trùng với điểm a khoản 2 Điều này	
c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Bãi bỏ vì trùng với điểm đ khoản 1 Điều này	
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề nghị Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông xem xét tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị.	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề nghị Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông xem xét tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị.	Sửa lại cho rõ ý
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông: Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:	
1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.	1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.	Bổ sung theo Điều 119 Luật DN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
<p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p>	<p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>Giữ nguyên</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>Giữ nguyên</p> <p>Giữ nguyên</p>	<p>Sửa lại cho rõ ý</p>
<p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p>	<p>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 119 LDN</p>
<p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p>	<p>4. Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p>	<p>Sửa lại cho rõ nghĩa</p>
<p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>a. Vi phạm pháp luật;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p>	<p>c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	<p>Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 119 LDN 2020</p>
<p>Chưa có</p>	<p>8. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật, chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 119 LDN 2020</p>
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1&2 Điều 139 Luật DN và điều lệ mẫu</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
<p>2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để trả lời các nội dung liên quan đến báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nếu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 138 LDN 2020.</p>
<p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 273 ND 155/2020/ND-CP.</p>
<p>a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	<p>a. Giữ nguyên</p>	<p>Theo quy định cty chỉ kiểm toán vào cuối năm</p>
<p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo năm đã kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p>	<p>Bãi bỏ</p>	<p>Điều chỉnh, bổ sung phù Điều 140 Luật DN</p>
<p>c. Số thành viên Hội đồng Quản trị, kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p>	<p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát <u>còn lại</u> ít hơn số lượng thành viên <u>tối thiểu</u> theo quy định của pháp luật;</p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 140 Luật DN & tình hình thực tế của công ty</p>
<p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p>	<p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 115</u> của Luật Doanh nghiệp & <u>Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này</u>; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 140 Luật DN & tình hình thực tế của công ty</p>
<p>d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát khi Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 165</u> Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>Sửa lại cho rõ ý & sửa điều khoản dẫn chiếu</p>
<p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>d. Giữ nguyên</p>	
<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p>	
<p>a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều này;</p>	<p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p>	
<p>b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p>	<p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 <u>Điều 140</u> Luật Doanh nghiệp;</p>	
<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>khoản 6 Điều 136</u> Luật doanh nghiệp.</p>	<p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c <u>khoản 3</u> Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 140 LDN 2020.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
<p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 140 LDN 2020.</p>
<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p>	
<p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p>	<p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p>	
<p>b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;</p>	<p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p>	<p>Toàn bộ khoản này sửa lại cho phù hợp với Khoản 2 Điều 138 Luật DN</p>
<p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p>	<p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p>	
<p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản, hợp đồng mua, bán, vay hoặc cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p>	
	<p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p>	
	<p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p>	<p>Bổ sung theo điểm h Điều 27</p>
	<p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p>	
	<p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p>	
	<p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>	
	<p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	
	<p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	
	<p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty.</p>	
	<p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	
<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau :</p>	
	<p>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty</p>	
<p>a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;</p>	<p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 139 LDN</p>
	<p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p>	
	<p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p>	
	<p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;	e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;	
c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;	g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	
d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;	m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;	
đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, và báo cáo việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám Đốc điều hành.	h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;	
e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;	k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	
g. Quyết định việc bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;	Giữ nguyên	
h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;	Giữ nguyên	
i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;	Giữ nguyên	
k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;	Giữ nguyên	
l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;	Chuyển qua Khoản 1 Điều này	
m. Quyết định đầu tư/giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	
n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;	g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;	
o. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nội dung này được tự động bãi bỏ kể từ ngày 01/08/2020);	Bãi bỏ	phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 275 NB 155
p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	
Chưa có	l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	
Chưa có	s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	
q. Các vấn đề khác theo quy định tại pháp luật và Điều lệ này.	Giữ nguyên	
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:	Bãi bỏ	Điều lệ mẫu không có nội dung này
a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	Bãi bỏ	
b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.	Bãi bỏ	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.	Giữ nguyên	
Điều 15. Các đại diện theo ủy quyền	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 144 LDN 2020.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.	Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 144 LDN 2020.
a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;	Giữ nguyên	
a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;	Giữ nguyên	
b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;	Giữ nguyên	
c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.	Giữ nguyên	
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 144 LDN 2020.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Giữ nguyên	Bỏ do trùng ý khoản 2 Điều này
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:	4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:	Điều chỉnh lại điều khoản dẫn chiếu
a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;	Giữ nguyên	
b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;	Giữ nguyên	
c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.	Giữ nguyên	
Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	Giữ nguyên	
Điều 16. Thay đổi các quyền	Điều 17. Thay đổi các quyền	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Thay đổi phù hợp khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.</p>	<p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.</p>	<p>Điều chỉnh điều khoản tham chiếu</p>
<p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 140 Luật DN và cập nhật điều khoản tham chiếu</p>
<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p>	
<p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 140 Luật DN</p>
<p>b. Xác định thời gian, địa điểm tổ chức đại hội.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội, tài liệu sử dụng trong đại hội.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>d. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>f. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức báo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm [15] ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>a. Chương trình họp, các tài liệu dự kiến sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; đ. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</p>	<p>Giữ nguyên b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Giữ nguyên Giữ nguyên Giữ nguyên</p>	<p>Sửa lại cho rõ nghĩa</p>
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Cập nhật điều khoản tham chiếu</p>
<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	<p>5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 điều 142 Luật DN</p>
<p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p>	<p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này; b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 điều 142 Luật DN</p>
<p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Giữ nguyên d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 điều 142 Luật DN</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	Bãi bỏ vì nội dung này nằm trong phạm vi nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	Bãi bỏ do bị trùng	
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.	Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 145 LDN
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 145 LDN 2020
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 145 Luật DN
4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 145 Luật DN
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:	
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 146 LDN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	b) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	Sửa lại cho rõ ý Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 146 LDN
<i>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</i>	b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 146 LDN
Chưa có	c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;	
Chưa có	d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.	
5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.	3. <u>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</u>	sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 146 Luật DN
6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.	7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây: a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;	sửa đổi phù hợp khoản 8 Điều 146 Luật DN
Chưa có	c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.	
Chưa có	8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	sửa đổi phù hợp khoản 9 Điều 146 Luật DN
7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.	4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.	Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 146 Luật DN
	a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;	
	b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;	
	c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
Chưa có	5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.	6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:	Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 146 Luật DN
	a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để: a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	Bỏ toàn bộ khoản này các nội dung tại khoản này đã có phía trên	
10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể: a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.	Bãi bỏ do không còn phù hợp	
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Bỏ do không cần thiết	
Chưa có	9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Bổ sung theo điều lệ mẫu để phù hợp với tình hình thực tế
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	
a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;	Giữ nguyên	
b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;	Giữ nguyên	
c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;	Giữ nguyên	
d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;	đ) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	
đ. Tổ chức lại, giải thể công ty;	Giữ nguyên	
e) Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.	Bãi bỏ	
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi phù hợp Điều 148 Luật Doanh nghiệp
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	Giữ nguyên	
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;	Chuyển nội dung này qua Điều 22	
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	Chuyển nội dung này qua Điều 22	
6. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 152 LDN
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:	
1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp	Sửa lại phù hợp với Khoản 2 Điều 149 Luật DN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
<p>2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa lại phù hợp với Khoản 2 Điều 149 Luật DN</p>
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	
<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 3 Điều 149 LDN 2020.</p>
<p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p>	
<p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p>	<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p>	<p>Sửa lại phù hợp với Khoản 4 Điều 149 Luật DN</p>
<p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p>	<p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p>	
<p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p>	<p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p>	
<p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	<p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và <u>bi tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử</u> là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	
<p>5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không nắm giữ chức vụ quản lý</u> Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 149 Luật DN</p>
<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</p>	<p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	
<p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p>	<p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	
d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;	Giữ nguyên	
đ. Các quyết định đã được thông qua.	đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;	
e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.	e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.	
Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	Giữ nguyên	
6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ.	6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 149 Luật DN
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Giữ nguyên	
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 148 Luật DN
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nếu cần) và có các nội dung chủ yếu sau đây:	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp
a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	Giữ nguyên	
b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;	Giữ nguyên	
c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;	Giữ nguyên	
d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;	Giữ nguyên	
e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;	Giữ nguyên	
f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;	Giữ nguyên	
g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;	Giữ nguyên	
h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;	Giữ nguyên	
i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 150 Luật DN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Sửa đổi phù hợp với Điều 150 Luật DN
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	Sửa đổi phù hợp với Điều 150 Luật DN
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	4. <u>Nghị quyết</u> , Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.	Bãi bỏ	Sửa đổi phù hợp với Điều 150 Luật DN
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Bãi bỏ	Gộp chung với Khoản 4 Điều này
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Sửa đổi phù hợp Điều 151 Luật Doanh nghiệp
1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 20 Điều lệ này.	1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.	
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.	
Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	Bãi bỏ	Bãi bỏ do không còn phù hợp
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 24. Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị, Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Tách làm 2 điều và sửa đổi phù hợp với Điều 153 Luật DN & Điều lệ mẫu

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
<p>3.1 Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p>	<p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, <u>cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty</u> nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp khoản 1 Điều 274 ND 155</p>
<p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p>	<p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p>	
<p>b. Trình độ học vấn;</p>	<p>b) Trình độ chuyên môn;</p>	
<p>c. Trình độ chuyên môn;</p>	<p>c) Quá trình công tác;</p>	
<p>d. Quá trình công tác;</p>	<p>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p>	
<p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;</p>	<p>d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p>	
<p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p>	<p>g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	
<p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p>	<p>Bãi bỏ</p>	<p>Bãi bỏ do Luật không quy định</p>
<p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p>	<p>e) Các thông tin khác (nếu có).</p>	
<p>3.2 Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ (10%) đến dưới (20 %) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ (20 %) đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ (10%) đến dưới (20 %) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ (20 %) đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp khoản 2 Điều 274 ND 155</p>
<p>4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc bổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp khoản 3 Điều 274 ND 155 & tình hình thực tế của công ty</p>
<p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan;	a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp	
b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.	b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.	
c. Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá 05 công ty khác.	c) Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.	Điều chỉnh lại cách diễn đạt theo khoản 3 Điều 275 ND 155
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị		
2. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ năm (05) đến bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ năm (05) đến bảy (07) người. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương pháp làm tròn xuống.	Sửa đổi phù hợp Khoản 1,2&3 Điều 154 Luật DN
5. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	
a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;	Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	Sửa đổi phù hợp với khoản 1 điều 160 Luật Doanh nghiệp
b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;	a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật DN;	
c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;	b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;	
d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;	c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.	
đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	Sửa đổi phù hợp với khoản 2 điều 160 Luật Doanh nghiệp
Chưa có	a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	
Chưa có	b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.	
Chưa có	Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	Bổ sung phù hợp với khoản 3 điều 160 Luật Doanh nghiệp
Chưa có	4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
Chưa có	a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;	
Chưa có	b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Giữ nguyên	
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	1. Hội đồng quản trị là <u>cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty</u> , trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Toàn bộ Điều khoản này được sửa đổi, sắp xếp bố cục lại theo Điều 153 Luật DN và Điều lệ mẫu
2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các người điều hành khác.	Chuyển vào mục k khoản 2 điều này : k) Giám sát, <u>chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty</u> ;	
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	
a. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty .	a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển <u>trung hạn</u> và kế hoạch kinh doanh <u>hàng năm</u> của Công ty;	
b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	Bãi bỏ do nội dung có điểm trùng	
c. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	l) Quyết định cơ cấu tổ chức, <u>quy chế quản lý nội bộ của Công ty</u> , quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	
d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành doanh nghiệp đó;	Bãi bỏ do Điều lệ mẫu không có nội dung này	
e. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;	b) <u>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại</u> ;	Sửa đổi phù hợp điều 153 Luật DN
f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;	Bãi bỏ do Điều lệ mẫu không có nội dung này.	
g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;	
h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc, người điều hành khác, người đại diện của Công ty và quyết định mức lương của họ;	i) <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch/Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó</u> ;	
i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;	Bãi bỏ	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;	o) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	
k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.	p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;	
l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:	Gộp chung vào khoản 2	
a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;	Bãi bỏ vì nội dung này đã có trong điểm "l"	
b. Thành lập các công ty con của Công ty;	Bãi bỏ vì nội dung này đã có trong điểm "l"	
	c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;	
c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);	Bãi bỏ nội dung này vì không còn phù hợp	
d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;	Bãi bỏ nội dung này vì không còn phù hợp	
e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;	Bãi bỏ nội dung này vì không còn phù hợp	
f. Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;	Bãi bỏ nội dung này vì không còn phù hợp	
g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;	Bãi bỏ nội dung này vì không còn phù hợp	
h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;	Bãi bỏ nội dung này vì không còn phù hợp	
i. Việc công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai tháng;	d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;	
j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;		
k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;	Bãi bỏ	
Chưa có	m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;	
Chưa có	e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;	
Chưa có	g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;	
l. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;	q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
m. Trình Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;	n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;	
Chưa có	s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.	
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	Bãi bỏ	
Điều 26. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
Chưa có	1. Công ty có quyền trả thủ lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 163 Luật DN
1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thủ lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thủ lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thủ lao này được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thủ lao công việc và thưởng. Thủ lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thủ lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thủ lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thủ lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 163 Luật DN
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thủ lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	3. Thủ lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 163 Luật DN
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.	4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.]	Sửa lại cho rõ nghĩa
4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.	5. Giữ nguyên	
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 156 Luật DN & tình hình cty
Chưa có	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.	Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 156 Luật DN
2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:	Bổ sung phù hợp Khoản 3 Điều 156 Luật DN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.	Giữ nguyên	
b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.	Giữ nguyên	
c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị.	c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;	
d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.	d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;	
đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng Quản trị.	đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	
e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể:	e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể:	
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị.	Giữ nguyên	
- Thay mặt Hội Đồng Quản Trị phê duyệt các chủ trương về ngân sách tài chính, chỉ đạo điều hành và giám sát công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác, phê duyệt các dự án thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị và người đại diện pháp luật.	Giữ nguyên	
- Phê duyệt cơ cấu tổ chức, các quy chế để quản trị nội bộ và các chính sách của Công ty, các văn bản ủy quyền, phân quyền cho Ban Tổng giám đốc nhằm phục vụ lợi ích Công ty theo thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.	Thay mặt HĐQT phê duyệt cơ cấu tổ chức, các quy chế để quản trị nội bộ và các chính sách của Công ty, các văn bản ủy quyền, phân quyền cho Ban Tổng giám đốc nhằm phục vụ lợi ích Công ty theo thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.	
- Ký duyệt các văn bản và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Công ty.	Giữ nguyên	
- Các thẩm quyền khác thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị căn cứ theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị.	Giữ nguyên	
3. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày đơn từ chức hoặc quyết định bãi miễn thông qua.	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	
4. Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được quyền thay mặt Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị để thực hiện thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị hoặc theo văn bản phân công, ủy quyền từ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.	Giữ nguyên	
Chưa có	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo Khoản 4 Điều 156 luật Doanh nghiệp
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 157 Luật DN
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.	2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 157 Luật DN
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	
a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;	b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;	
b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;	Giữ nguyên	
c. Ban kiểm soát;	a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.	
Chưa có	4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo Khoản 4 Điều 157 Luật DN
4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 157 Luật DN
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán được chấp thuận, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [05 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 157 Luật DN
6. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.	Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	sửa đổi phù hợp với Khoản 7 Điều 157 Luật DN
7. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp.	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	sửa đổi phù hợp với Khoản 7 Điều 157 Luật DN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
Chưa có	Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	
Thông báo mời họp được gửi bằng bu rêu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.	Bãi bỏ do trùng nội dung	
8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.	8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	sửa đổi phù hợp với Khoản 8 Điều 157 Luật DN
9. Biểu quyết	9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	sửa đổi phù hợp với Khoản 9 Điều 157 Luật DN
a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;	a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;	
Chưa có	b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;	
Chưa có	c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;	
Chưa có	đ) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	
b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.	Bãi bỏ do Điều lệ mẫu không có nội dung này	
c. Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;	Bãi bỏ do Điều lệ mẫu không có nội dung này	
d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 36 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Bãi bỏ do Điều lệ mẫu không có nội dung này	
Chưa có	10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	sửa đổi phù hợp với Khoản 10 Điều 157 Luật DN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
Chưa có	11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	sửa đổi phù hợp với Khoản 11 Điều 157 Luật DN
10. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	Bãi bỏ do Điều lệ mẫu không có nội dung này	
11. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.	12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	sửa đổi phù hợp với Khoản 12 Điều 157 Luật DN
12. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:	Giữ nguyên	
a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;	Giữ nguyên	
b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.	Giữ nguyên	
Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.	Giữ nguyên	
Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.	Giữ nguyên	
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thống lệ.	Giữ nguyên	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
<p>14. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p>Bãi bỏ do Điều lệ mẫu không có nội dung này</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>Điều 31. HD, giao dịch giữa công ty với người có liên quan</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:</p>	<p>Bổ sung theo Điều 167 Luật DN</p>
<p>Chưa có</p>	<p>a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật này.</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật này, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
Chưa có	5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	
Chưa có	6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.	
Khoản 15 Điều 28	Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	
15. Hội đồng Quản trị có thể thành lập một số tiểu ban trực thuộc và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	Sửa đổi theo nội dung Điều 31 Điều lệ mẫu
16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.	2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	
Chưa có	Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty	
Chưa có	1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung phù hợp với Điều 281 Nghị định 155
Chưa có	2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.	
Chưa có	3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:	
Chưa có	a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;	
Chưa có	b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;	
Chưa có	c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;	
Chưa có	d) Tham dự các cuộc họp;	
Chưa có	đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;	
Chưa có	e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;	
Chưa có	g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;	
Chưa có	h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
Chưa có	i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;	
Chưa có	k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật	
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THỦ KÝ CÔNG TY	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý	
Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị được thông qua một cách hợp thức.	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự <u>giám sát, chỉ đạo</u> của Hội đồng quản trị <u>trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty</u> . Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và [các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm]. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Sửa đổi phù hợp với khoản 2 Điều 162 Luật DN
Điều 30. Người điều hành doanh nghiệp	Điều 35. Người điều hành Công ty	
	1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng <u>và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị xét thấy cần bổ nhiệm bằng Nghị quyết của HĐQT</u> và đưa vào thành phần Người điều hành <u>tùy theo từng thời kỳ</u> .	
1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và <u>quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định</u> . Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm <u>để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức</u> .	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 34 Điều lệ mẫu
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.	3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.	
	4. Tiền lương <u>của người điều hành</u> được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Bổ sung phù hợp Khoản 3 Điều 163 Luật DN
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	
1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 162 LDN
Chưa có	2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 162 Luật DN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
<p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng Quản trị quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Trường hợp kết thúc 01- 02 năm, hoạt động kết quả sản xuất kinh doanh không tốt Tổng Giám Đốc không hoàn thành nhiệm vụ, có thể xin từ chức hoặc do Hội đồng Quản trị quyết định Tổng Giám Đốc có tiếp tục điều hành hoặc bãi chức. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và công ty.</p>	<p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng Quản trị quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Sau thời gian hoạt động, nếu kết quả sản xuất kinh doanh không tốt, Tổng Giám Đốc không hoàn thành nhiệm vụ, có thể xin từ chức hoặc do Hội đồng Quản trị quyết định Tổng Giám Đốc có tiếp tục điều hành hoặc bãi nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và công ty.</p>	<p>Sửa lại rõ cho rõ nghĩa</p>
<p>3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p>	<p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 162 Luật DN</p>
<p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;</p>	
<p>b. Quyết định các vấn đề hàng ngày của Công ty và bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản, xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với hạn mức và thẩm quyền do Hội Đồng Quản Trị, chủ tịch Hội Đồng Quản Trị giao cho tại các văn bản ủy quyền và văn bản phân định thẩm quyền.</p>	<p>b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>Giữ nguyên</p>	
<p>c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm theo quy chế nội bộ và va kiến nghị để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp;</p>	<p>c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và va kiến nghị để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp;</p>	<p>Sửa lại cho rõ ý</p>
<p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>Chưa có</p>	<p>d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p>	
<p>e. Vào ngày 03 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p>	<p>e. Vào tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.</p>	
<p>f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p>	<p>g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua;</p>	
<p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.</p>	<p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p>	
<p>i. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p>	<p>Giữ nguyên</p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
<p>k. Tổng giám đốc phải điều hành công việc sản xuất, kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</p>	Giữ nguyên	
<p>4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p>	Bãi bỏ vì trùng ý với Khoản 2 Điều này	
<p>5. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	Giữ nguyên	
<p>Điều 32. Thư ký công ty</p>		
<p>Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký công ty tùy từng thời điểm. Thư ký công ty có trách nhiệm:</p>	Bãi bỏ toàn bộ Điều này do Luật DN 2020 không bắt buộc có Thư ký Công ty, chỉ bắt buộc có Người phụ trách Quản trị	
<p>1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát.</p>		
<p>2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.</p>		
<p>3. Tham dự các cuộc họp.</p>		
<p>4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp.</p>		
<p>5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên.</p>		
<p>6. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>		
<p>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT</p>	IX. BAN KIỂM SOÁT	
<p>Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát</p>	Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	
<p>2. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 3 Điều 24 Điều lệ này.</p>	1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.	
<p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	
<p></p>	Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	
<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên.</p>	1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là [03 người]. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	
<p>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p>	2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:	Sửa đổi Điều khoản dẫn chiếu

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;	Giữ nguyên	Theo quy định Điều 286 TT 155
b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.	Giữ nguyên	Theo quy định Điều 286 TT 155
c. không phải là người của doanh nghiệp có cùng ngành sản xuất kinh doanh chính của Công ty.	Giữ nguyên	Quy định riêng của công ty từ trước đến nay
Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	Chuyển nội dung này xuống Điều 38	
a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;	Chuyển nội dung này xuống Điều 38	
b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;	Chuyển nội dung này xuống Điều 38	
c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	Chuyển nội dung này xuống Điều 38	
4. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Bãi bỏ khoản này vì đã đưa vào khoản 1 Điều 37	
5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:	3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:	
a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;	a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;	
b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	Chuyển nội dung này xuống Khoản 4 Điều này	
c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;	b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;	
d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.	c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này	
6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:	4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:	
a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;	Giữ nguyên	
b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	Giữ nguyên	
c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Giữ nguyên	
d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.	d. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	Điều chỉnh phù hợp với Khoản 2 Điều 174
Khoản 1 Điều 38	Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	
Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 168 Luật DN
a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;	2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát.	
b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;	Giữ nguyên	
	Giữ nguyên	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	Giữ nguyên	
Điều 34. Ban kiểm soát	Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	
1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trong đó có các quyền và nghĩa vụ sau:	Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:	Sửa đổi Điều khoản dẫn chiếu
a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;	1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.	
b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;	Bãi bỏ do không còn phù hợp	
c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;	Bãi bỏ do không còn phù hợp	
d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty;	Bãi bỏ do không còn phù hợp	
đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;	Bãi bỏ do không còn phù hợp	
e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;	Bãi bỏ do không còn phù hợp	
g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;	Bãi bỏ do không còn phù hợp	
h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.	Bãi bỏ do không còn phù hợp	
i. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;	2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.	Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 288 ND 155
j. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;	3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.	Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 288 ND 155
Chưa có	4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, ông giám đốc và cổ đông.	Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 288 ND 155
k. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 288 ND 155
l. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.	7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Bổ sung phù hợp khoản 7 Điều 288 ND 155
m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp	8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.	Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 171 Luật DN

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội	9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.	Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 171 Luật DN
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.	6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 288 ND 155
4. Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	Chuyển sang Điều 41	
Chưa có	Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	
Chưa có	1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	Bổ sung phù hợp Điều 289 ND 155
Chưa có	2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
Chưa có	Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	
	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:	Bổ sung phù hợp Điều 172 Luật DN
	1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.	
	2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.	
	3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		
Điều 35. Trách nhiệm căn trọng	Điều 42. Trách nhiệm căn trọng	
Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ căn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, căn trọng vì lợi ích của Công ty.	
Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	Sửa đổi phù hợp với khoản 1 Điều 291 ND155
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.	Sửa đổi phù hợp với khoản 2 Điều 291 ND155
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Sửa đổi phù hợp với khoản 3 Điều 291 ND155
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính.	4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Sửa đổi phù hợp với khoản 4 Điều 291 ND155
Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	Sửa đổi phù hợp với khoản 5 Điều 291 ND155
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:	6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:	Sửa đổi phù hợp Điều 293 ND 155 & Điều 167 Luật DN
a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;	a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
<p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [35%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	
<p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Bãi bỏ do không còn phù hợp</p>	
<p>Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	<p>Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p>	
<p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự <i>mẫn cán và năng lực chuyên môn</i> phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	
<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p>	<p>Bãi bỏ do nội dung tương tự Khoản 2</p>	
<p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p>	<p>Bãi bỏ do nội dung tương tự Khoản 2</p>	
<p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p>Bãi bỏ do nội dung tương tự Khoản 2</p>	
<p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>Giữ nguyên</p>	
<p>CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	<p>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	
<p>Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p>	
	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
Chưa có	a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 115 Luật DN
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra đó đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.	Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 115 Luật DN
Chưa có	2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Sửa lại cho rõ ý
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	Giữ nguyên	
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.	Giữ nguyên	
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn	Điều 46. Công nhân viên và công đoàn (giữ nguyên)	
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	
Điều 40. Phân phối lợi nhuận	Điều 47. Phân phối lợi nhuận (giữ nguyên)	
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <u>Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</u> .	
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.	Giữ nguyên	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên	
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	
Điều 41. Tài khoản ngân hàng	Điều 48. Tài khoản ngân hàng (giữ nguyên)	
Điều 42. Năm tài chính	Điều 49. Năm tài chính (giữ nguyên)	
Điều 43. Chế độ kế toán	Điều 50. Chế độ kế toán (giữ nguyên)	
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	Điều 51. Báo cáo tài chính năm	
1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh và thông qua Đại hội đồng cổ đông.	1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ mẫu
3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), của công ty phải được công bố trên website của Công ty.	Giữ nguyên	
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	Giữ nguyên	
Điều 45. Báo cáo thường niên	Điều 52. Báo cáo thường niên (giữ nguyên)	
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	
Điều 46. Kiểm toán	Điều 53. Kiểm toán	
1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	Giữ nguyên	
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Bãi bỏ do không còn phù hợp	
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.	2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	Giữ nguyên	
CHƯƠNG XVII. CÔNG KHAI LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN.	CHƯƠNG XVII. CÔNG KHAI LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN.	
Điều 47. Công khai lợi ích có liên quan.	Điều 54. Công khai lợi ích có liên quan.	sửa đổi phù hợp điều 164 Luật DN
1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;	1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty;	
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:	
a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;	a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;	
b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;	b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;	
Chưa có	3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;	
Chưa có	4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:	
Chưa có	a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;	
Chưa có	b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;	
Chưa có	c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;	
Chưa có	d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất, không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
Chưa có	5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.	
CHƯƠNG XVIII. CON DẤU	CHƯƠNG XVIII. CON DẤU	
Điều 48. Con dấu	Điều 55. Dấu của công ty	
Chưa có 1. Hội đồng Quản trị quyết định số lượng con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). Giữ nguyên	Bổ sung phù hợp khoản 1 điều 43 Luật DN Bổ sung phù hợp khoản 2 điều 43 Luật DN
CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	VIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	
Điều 49. Chấm dứt hoạt động	Điều 56. Giải thể công ty	
1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. <u>Giải thể trước thời hạn</u> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; c) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Giữ nguyên Giữ nguyên	Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 207 Luật DN
Điều 50. Gia hạn hoạt động	Điều 57. Gia hạn hoạt động (Giữ nguyên)	
Điều 51. Thanh lý	Điều 58. Thanh lý	
1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	Giữ nguyên	
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.	Giữ nguyên	
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:	3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:	
a. Các chi phí thanh lý;	Giữ nguyên	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;	b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.	
c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;	Giữ nguyên	
d. Các khoản vay (nếu có);	Bãi bỏ do trùng nội dung mục đ khoản này	
đ. Các khoản nợ khác của Công ty;	Giữ nguyên	
e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ	
1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa :	Giữ nguyên	
a. Cổ đông với Công ty;	Giữ nguyên	
b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành.	Giữ nguyên	
Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.	Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [10] ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.	Sửa lại cho rõ nghĩa theo Điều lệ mẫu
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.	2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.	Sửa lại cho rõ nghĩa theo Điều lệ mẫu
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.	Giữ nguyên	
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 60. Điều lệ công ty	
1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.	Giữ nguyên	
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.	Trường hợp pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.	Sửa lại cho rõ nghĩa theo Điều lệ mẫu
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC	CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 54. Ngày hiệu lực	Điều 61. Ngày hiệu lực	
1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Được phẩm 2/9 nhất trí thông qua ngày 27 tháng 03 năm 2020 tại TP. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản điều lệ này gồm [22 mục, 60 điều] được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Được phẩm 2/9 nhất trí thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:	2. Điều lệ được lập thành mười (08) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI BỔ SUNG
a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương	Bãi bỏ do không còn phù hợp	
b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.	Bãi bỏ do không còn phù hợp	
c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.	Bãi bỏ do nội dung này đã có tại khoản 2 Điều này	
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế cho điều lệ Công ty ban hành ngày 03 tháng 06 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2020	3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.	
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.	Giữ nguyên	



NADYPHAR

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9
NADYPHAR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 57.../2021/TT_NDP

TP.HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Nội bộ của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9.

Kính trình: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn chi tiết thi hành Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số: 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông :

1. Thông qua những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty (bản dự thảo kèm theo).
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty, kể cả việc bổ sung, làm rõ và tiếp tục chủ động tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ và tình hình thực tế của công ty.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và chấp thuận.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ Đông;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: P.HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Nam Thắng

TP.HCM, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng 04 năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dược phẩm bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “ Công ty” là Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9
 - b. “Điều lệ” là Điều lệ Công ty Cổ phần dược phẩm 2/9 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại từng thời
 - c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị xét thấy cần bổ nhiệm bằng Nghị quyết của HĐQT và đưa vào thành phần Người điều hành tùy theo từng thời kỳ.

- f. “Người quản lý” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phụ trách nhà máy.
 - g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - h. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - i. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Quyền của cổ đông :

❖ Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- j. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- k. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- l. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- m. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- n. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- o. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- p. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- q. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật doanh nghiệp;
- r. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- s. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

- t. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- u. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- ❖ **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:**
 - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này
- ❖ **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:**
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- ❖ **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề nghị Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông xem xét tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị.**

2. Nghĩa vụ của cổ đông

Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

- a. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử
 - Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- b. Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
- c. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- d. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;
- e. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông (điều 140 Luật Doanh nghiệp):
 - 1.1 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - 1.2 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1.1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại

phát sinh cho công ty.

1.3 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1.2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

1.4 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông : Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).
5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông : Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
7. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 6 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 6 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông : Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

11. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết .

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản a Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Mục b khoản 10 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả : Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối

cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua :

13.1 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty ; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ;
- d. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

13.2 Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các điểm 13.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

13.3 Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông : Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

14.1 Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.

14.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

15.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Chương trình họp và nội dung cuộc họp; Họ, tên chủ tọa và thư ký; Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu

biểu quyết của cổ đông dự họp; Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

15.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

15.3 Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

1. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản;
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 - a. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
 - b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của

từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến :

Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương đương khác trong trường hợp xảy ra : các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của Nhà nước và/hoặc các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương đương khác; Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức Đại hội này trước ít nhất hai mươi (20) ngày trước ngày khai mạc Đại hội, với nội dung cơ bản như sau:

- a. Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên dưới hình thức họp trực tuyến hoặc hình thức tương đương khác;
- b. Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử (e-voting), gửi phiếu biểu quyết thông qua thư/fax/thư điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến ;
- c. Các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc hình

thức tương đương khác.

CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Vai trò của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị :

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
 9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch/Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 13. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

16. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 đến 07 người.
 - Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại tối đa 05 công ty khác.;
3. Đề cử, ứng cử & cách thức giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

Công ty phải công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền

đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể như sau :

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ (10%) đến dưới (20 %) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ (20 %) đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- c. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

- a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a & b khoản 5 Điều này.
- d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Ngoài trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Các thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Luật chứng khoán

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch/Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- a. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- d. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- e. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [05 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo

luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 11. Người phụ trách quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công

- ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát : trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.
 - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của. công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
 - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
 - e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
 - g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
 - h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
 - j. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - l. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
 - m. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
2. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát
- a. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
 - b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
3. Thành phần Ban Kiểm soát
- a. Số lượng & nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát: 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - b. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định như sau :
 - Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty
 - Không phải là người của doanh nghiệp có cùng ngành sản xuất kinh doanh chính của Công ty.
 - Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
- Thành viên Ban kiểm soát không thuộc các trường hợp sau :
- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
5. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
6. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.
- a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
 - b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
 - c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 13. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1.1 Vai trò và trách nhiệm :

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

1.2 Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc :

- a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- f. Quyết định các vấn đề hàng ngày của Công ty và bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản, xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với hạn mức và thẩm quyền do Hội Đồng Quản Trị, chủ tịch Hội Đồng Quản Trị giao cho tại các văn bản ủy quyền và văn bản phân định thẩm quyền.
 - g. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị đề Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp;
 - h. Vào tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - j. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua;
 - k. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc
- a. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
 - b. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng Quản trị quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Sau thời gian hoạt động, nếu kết quả sản xuất kinh doanh không tốt, Tổng Giám Đốc không hoàn thành nhiệm vụ, có thể xin từ chức hoặc do Hội đồng Quản trị quyết định Tổng Giám Đốc có tiếp tục điều hành hoặc bãi nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và công ty.
 - c. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
 - d. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm đối với Tổng giám đốc tuân thủ theo Điều 64 Luật doanh nghiệp, cụ thể như sau :
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - Là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
 - Các điều kiện, tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG 6 . PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 14 . Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể mời Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người điều hành khác tham dự một số cuộc họp của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát, ban Tổng Giám đốc và Những người điều hành được mời tham gia cuộc họp có thể tham gia thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.
2. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các thành viên được triệu tập ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các thành viên được triệu tập được đăng ký tại Công ty;
4. Các cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên được triệu tập phải được ghi biên bản lập bằng tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở công ty.

Điều 15. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sẽ được chuyển cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 16. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
2. Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc
3. Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan.
4. Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT
5. Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.
6. Các vấn đề khác theo quy định của Công ty.

Điều 17. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chi đạo lập báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ hàng tháng, quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.

Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

Điều 18. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và Nghị quyết hội đồng Quản trị.

Trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc theo quy định tại Quy chế này và Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

Điều 19. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thông tin về các nội dung sau:
 - a. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tổng Giám đốc được quyền không thực hiện các quyết định trái pháp luật, trái Điều lệ công ty do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ban hành nhưng phải thông báo ngay đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty.

- c. Các giao dịch giữa Tổng Giám đốc hoặc người có liên quan tới Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật với : Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát.
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị sau khi quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...
 - e. Các nội dung khác theo quy định Công ty.
2. Cách thức gửi báo cáo cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

- a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Tất cả các báo cáo của Tổng Giám đốc phải là văn bản chính thức, có ký tên, đóng dấu, có nêu rõ ý kiến tham mưu, đề xuất để Hội đồng quản trị có cơ sở xem xét, giải quyết;
 - c. Báo cáo có thể được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Người điều hành và Người quản lý trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung tạo điều kiện để các bên tiếp cận thông tin theo quy định.

Tổng Giám đốc phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, báo cáo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban điều hành. Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Hội đồng quản trị.

Tổng Giám đốc kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty, Quy chế Quản trị Nội bộ, cải tiến cơ cấu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG 7. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 21. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành

Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và kết quả hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc;

Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát;

Điều 22. Khen thưởng

Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định mức khen thưởng đối với từng cá nhân.

Mức khen thưởng được xây dựng tùy theo tình hình thực tế của từng năm.

Điều 23. Kỷ luật

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ với sự cẩn trọng, trung thực và siêng năng hoặc khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm Điều lệ, lạm dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty hoặc Nhà nước thì tùy theo mức độ sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường vật

chất và trách nhiệm pháp lý đối với những thiệt hại do mình gây ra.

CHƯƠNG 8. ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm 08 Chương 24 Điều đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết nhất trí thông qua ngày tháng 04 năm 2021. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với tổ chức hoạt động, quản lý điều hành và kiểm tra giám sát thì Hội đồng Quản trị sẽ xem xét trình Đại hội đồng cổ đông quyết định;

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Quy chế có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành, thay thế cho Quy chế Nội bộ về Quản trị ban hành kèm Quyết định số 85/QĐ-HĐQT ngày 09/04/2019.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 



NGÔ NAM THẮNG

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020

STT	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN (đ)	GHI CHÚ
I. LỢI NHUẬN			
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	106,822,455,742	(1)
2	Giá vốn tiêu thụ	57,597,322,728	(2)
3	Chi phí bán hàng	8,412,221,937	(3)
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16,523,095,711	(4)
5	Chi phí tài chính	11,612,694	(5)
6	Chi phí khác	627,948,888	(6)
7	Lợi nhuận: (7) = (1)-(2)-(3)-(4)-(5)-(6)	23,650,253,784	(7)
II. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN			
	* Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3,251,469,136	
	* Chi phí thuế TNDN hoãn lại	169,528,004	
8	Phân phối lợi nhuận sau thuế	20,229,256,644	(8)
	a. Trả cổ tức cho cổ đông [111 tỷ x 10%]	11,100,000,000	
	Trong đó		
	Cổ đông Công ty Dược Sài Gòn [16,095 tỷ x 10%]	1,609,500,000	
	Cổ đông tư nhân [94,905 tỷ x 10%]	9,490,500,000	
	b. Trích lập các quỹ	6,271,069,559	
	- Quỹ đầu tư phát triển 15%	3,034,388,497	
	- Quỹ khen thưởng 10%	2,022,925,664	
	- Quỹ phúc lợi 1%	202,292,566	
	- Quỹ thù lao HĐQT 5%	1,011,462,832	
	c. Tổng lợi nhuận chưa phân phối	31,534,906,313	
	- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 chuyển năm sau	2,858,187,085	
	- Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	28,676,719,228	
III. GIÁ TRỊ CỔ PHẦN ĐẾN NGÀY 31/12/2019		217,953,488,508	
9	Vốn Điều lệ	111,000,000,000	(9)
10	Thặng dư vốn cổ phần	20,433,140,789	
11	Quỹ đầu tư phát triển	54,985,441,406	
12	Lợi nhuận chưa phân phối	31,534,906,313	
13	Giá trị kế toán 1 cổ phần	19,635	
14	Giá trị tăng thêm 1 cổ phần	9,635	

(Báo cáo được lập bởi Ban Kiểm soát dựa trên các số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam)

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Tp.HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2021
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Đức

Ngô Nam Thắng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tại ngày 31/12/2020)

STT	TÀI SẢN	Số tiền	STT	NGUỒN VỐN	Số tiền
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	195,456,214,958	A	NỢ PHẢI TRẢ	49,462,028,159
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	22,593,289,109	I	Nợ ngắn hạn	46,093,020,359
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	130,600,000,000	1	Phải trả người bán ngắn hạn	2,436,643,965
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	16,620,845,626	2	Người mua trả tiền trước	6,906,949,283
1	Phải thu khách hàng	9,665,440,467	3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1,621,116,375
2	Trả trước cho người bán	1,532,603,768	4	Phải trả người lao động	8,746,040,217
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6,695,034,202	5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2,027,243,162
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-1,272,551,016	6	Phải trả ngắn hạn khác	13,143,216,816
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	318,205	7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1,015,287,926
IV	Hàng tồn kho	25,051,617,418	8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	10,196,522,615
1	Hàng tồn kho	25,411,594,226	II	Nợ dài hạn	3,369,007,800
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-359,976,808	1	Phải trả dài hạn khác	3,369,007,800
V	Tài sản ngắn hạn khác	590,462,805	B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	217,952,859,820
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	251,375,503	I	Vốn chủ sở hữu	217,952,859,820
2	Thuế GTGT được khấu trừ	165,000			111,000,000,000
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	338,922,302	1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20,433,140,789
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	71,958,673,021	2	Thặng dư vốn cổ phần	54,985,441,406
I	Các khoản phải thu dài hạn	47,000,000	3	Quỹ đầu tư phát triển	31,534,277,625
II	Tài sản cố định	37,918,827,587	4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	28,507,191,224
1	Tài sản cố định hữu hình	32,771,288,307		- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	3,027,086,401
2	Tài sản cố định vô hình	5,147,539,280		- LNST chưa phân phối kỳ này	
III	Bất động sản đầu tư	12,473,607,526	II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	
IV	Tài sản dở dang dài hạn	1,255,909,091			
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	90,000,000			
VI	Tài sản dài hạn khác	20,173,328,817			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	267,414,887,979		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	267,414,887,979

(Báo cáo được lập bởi Ban Kiểm soát dựa trên các số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam)

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Minh Đức

TP.HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Ngô Nam Thắng

TỜ TRÌNH

Về việc chọn đơn vị kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9;
Căn cứ nhu cầu kiểm toán để phục vụ công bố thông tin;

Để thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

1. Công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán do Ban Kiểm soát tiến hành

Ban Kiểm soát đã đề ra tiêu thức để lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được phép thực hiện kiểm toán cho công ty đại chúng quy mô lớn đảm bảo đủ điều kiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về Kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Qua rà soát năng lực các đơn vị kiểm toán đồng thời đối chiếu với các tiêu thức lựa chọn nêu trên, Ban Kiểm soát nhận thấy Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam có những ưu điểm sau:

- Là đơn vị được thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021 theo Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 12/11/2020.

- Đã phối hợp tốt với Công ty trong việc thực hiện kiểm toán năm 2020.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

Do đó, Ban Kiểm soát đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính trong năm tài chính năm 2021.

- Giao cho Tổng Giám đốc ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính năm 2021 của Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Đức

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9;

Ban kiểm soát đã xây dựng bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 (đính kèm). Nội dung bản Quy chế được soạn thảo để phù hợp với những quy định tại Luật Chứng khoán, Luật doanh nghiệp và các Nghị định, Thông tư có liên quan được ban hành mới trong năm 2020.

Nay Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát hoàn chỉnh nội dung và ban hành chính thức theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Đức

Chương I.....	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	3
Chương II	3
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN).....	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát ...	6
Chương III	7
BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	7
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	9
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	9
Chương IV	10
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....	10
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	10
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	10
Chương V	10
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	10
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	10
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	11
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	11
Chương VI.....	12
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	12
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	12

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	12
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	12
Chương VII.....	12
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	12
Điều 22. Hiệu lực thi hành	12

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9

*(Ban hành kèm theo Quyết định số / QĐ-BKS ngày tháng năm 2021
của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9)*

DỰ THẢO

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm

soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực

hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội

đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty

khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9 bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. tháng.. năm..

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động năm 2020
tại Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 (Nadyphar)
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam;

Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020) tại Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 như sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020:

Về nhân sự Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát hiện đang hoạt động gồm có 03 thành viên.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các công tác như sau:

1.1. BKS đã duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS: đã cử thành viên tham dự đầy đủ các Phiên họp thường kỳ của HĐQT;

1.3. Đã thực hiện các công tác đúng theo kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát, bao gồm: thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Giám sát thẩm định tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và báo cáo khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông hoặc các cơ quan nhà nước có liên quan;

1.4. Đã xem xét, thẩm tra các Báo cáo tài chính quý tại Công ty, Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam;

1.5. Trong năm Ban Kiểm soát cũng đã phối hợp cùng một số phòng ban liên quan tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện dự thảo điều chỉnh Điều lệ Công ty và một số quy chế, quy định.

2. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp với những nội dung như sau:

2.1. Triển khai Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS;

2.2. Thông qua các báo cáo về việc phân tích, đánh giá tình hình hoạt động và thực hiện các chỉ tiêu tài chính các quý trong năm;

2.3. Thông qua các tài liệu, báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Tổng số thù lao của Ban Kiểm soát trong năm là 141.000.000 đồng, trong đó:

STT	Họ và tên	Thù lao/Lương (đồng)	Thưởng (đồng)	Cộng (đồng)
1	Nguyễn Minh Đức	61,000,000	8,000,000	69,000,000
2	Nguyễn Trần Xuân Mai	32,000,000	4,000,000	36,000,000
3	Trần Quang Huy	32,000,000	4,000,000	36,000,000
	Cộng	125,000,000	16,000,000	141,000,000

4. Kết quả giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty.

4.1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính 2020

Qua xem xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được soát xét, Ban Kiểm soát có ý kiến như sau:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty là phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung; phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) các văn bản hướng dẫn do Bộ Tài chính ban hành;

- Các chính sách và phương pháp kế toán được áp dụng nhất quán;

- Các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trên báo cáo tài chính cho thấy các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Qua thẩm định, Ban Kiểm soát không có bất cứ ý kiến phản đối nào về số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

Về hệ thống kế toán:

- Hệ thống kế toán: sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính rõ ràng, kịp thời; công tác quản lý tài sản, vật tư, công nợ chặt chẽ; trích lập dự phòng hợp lý, đầy đủ, phù hợp quy định; công tác kê khai và nộp thuế thực hiện đúng quy định;

- Tổ chức bộ máy kế toán phù hợp quy định;
- Công ty đã tuân thủ thực hiện công bố thông tin đúng quy định về nội dung và tiến độ;

Về hệ thống kiểm soát nội bộ:

Nhận thức được vai trò quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hoạt động kinh doanh, Ban lãnh đạo công ty đã và đang xây dựng và từng bước hoàn thiện dần hệ thống văn bản nội bộ bao gồm các quy chế, quy định, quy trình... phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và bảo đảm lợi ích hợp pháp của cổ đông;

4.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao tại Nghị quyết số 37/20NQ-NDP ngày 27/03/2020, BKS tổng hợp kết quả thực hiện năm 2020 như sau:

4.2.1. Tổng hợp tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019 đã được ĐHĐCĐ giao	Thực hiện		Tỷ lệ hoàn thành	
			Năm 2020 (tỷ đồng)	Năm 2019 (tỷ đồng)	So với Kế hoạch năm 2020	So với thực hiện năm 2019
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)/(1)	(5)=(3)/(4)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	135.00	106.82	96.96	79.13%	110.17%
2	Lợi nhuận trước thuế	26.00	23.65	26.02	90.96%	90.91%
3	Tỷ lệ cổ tức	10%/năm	10%/năm	12%/năm		

4.2.2. Kết quả thực hiện Doanh thu – Chi phí – Lợi nhuận trong năm

Chỉ tiêu	Kế hoạch ĐHĐCĐ giao	Thực hiện (tỷ đồng)		Tỷ lệ hoàn thành (%)	
		Năm 2020	Năm 2019	So với Kế hoạch năm 2020	So với thực hiện năm 2019
Tổng doanh thu	135,00	106.82	96.96	79.13%	110.17%
Doanh thu thuần		95.92	86.22		111.25%
- Doanh thu bán hàng		92.18	88.42		104.25%
- Doanh thu hàng hóa		1.51	2.04		
- Doanh thu BĐS		5.52	5.30		104.14%
- Chiết khấu thương mại		-2.63	-5.77		45.48%
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại		-0.67	-3.76		17.78%
Thu nhập hoạt động tài chính		9.65	9.09		106.14%
Thu nhập khác		1.26	1.65		76.19%
Tổng chi phí		83.17	70.94		117.24%

Chỉ tiêu	Kế hoạch ĐHCĐ giao	Thực hiện (tỷ đồng)		Tỷ lệ hoàn thành (%)	
		Năm 2020	Năm 2019	So với Kế hoạch năm 2020	So với thực hiện năm 2019
- Giá vốn hàng bán		57.60	49.35		116.70%
- Chi phí hoạt động tài chính		0.01	1.39		0.83%
- Chi phí bán hàng		8.41	7.12		118.19%
- Chi phí quản lý doanh nghiệp		16.52	12.99		127.23%
- Chi phí khác		0.63	0.10		659.76%
Lợi nhuận trước thuế	26,00	23.65	26.02	90.96%	90.91%
Lợi nhuận sau thuế		20.23	20.67		97.86%

Căn cứ vào bảng tổng hợp kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh nêu trên, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 như sau:

- Tổng Doanh thu năm 2020 tuy có tăng hơn so với năm 2019 nhưng chỉ đạt 79,13% so với kế hoạch được giao;

- Về tình hình chi phí năm 2020, dù doanh thu chỉ tăng 10,17% so với năm 2019 nhưng chi phí đã tăng 17,24%. Trong đó, tốc độ tăng của các khoản mục Chi phí giá vốn, Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý đều tăng nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu làm cho Lợi nhuận bị sụt giảm. Nguyên nhân của sự tăng cao Chi phí giá vốn và Chi phí bán hàng là trong năm Công ty đã và đang thực hiện chính sách đẩy mạnh bán hàng để kéo giảm tồn kho về mức hợp lý.

- Việc không đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch Doanh thu đã làm Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2020 giảm, chỉ đạt 80,05% so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

Như vậy, mặc dù có nhiều nỗ lực nhưng do gặp nhiều khó khăn khách quan lẫn chủ quan như đã được nêu tại Báo cáo hoạt động tổng kết năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc, Công ty vẫn không hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

4.3. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tài chính khác

4.3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam, tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2020 tóm tắt như sau:

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2020 (Tỷ đồng)	Tại ngày 01/01/2020 (Tỷ đồng)	Tăng/Giảm (Tỷ đồng)	Tỷ lệ Tăng/Giảm
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	195.46	184.74	10.71	5.80%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	22.59	19.41	3.19	16.41%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	130.60	123.00	7.60	6.18%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	16.62	11.65	4.97	42.68%

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2020 (Tỷ đồng)	Tại ngày 01/01/2020 (Tỷ đồng)	Tăng/Giảm (Tỷ đồng)	Tỷ lệ Tăng/Giảm
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
IV. Hàng tồn kho	25.05	30.22	(5.17)	-17.11%
V. Tài sản ngắn hạn khác	0.59	0.46	0.13	27.57%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	71.96	77.45	(5.49)	-7.09%
I. Các khoản phải thu dài hạn	0.05	0.05	-	
II. Tài sản cố định	37.92	41.67	(3.76)	-9.01%
1. Tài sản cố định hữu hình	32.77	36.44	(3.67)	-10.08%
2. Tài sản cố định vô hình	5.15	5.23	(0.08)	-1.57%
III. Bất động sản đầu tư	12.47	13.19	(0.71)	-5.42%
IV. Tài sản dở dang dài hạn	1.26	1.18	0.08	6.39%
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0.09	0.09	-	
VI. Tài sản dài hạn khác	20.17	21.27	(1.09)	-5.14%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	267.41	262.19	5.23	1.99%
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	49.46	50.13	(0.67)	-1.33%
I. Nợ ngắn hạn	46.09	45.99	0.10	0.22%
II. Nợ dài hạn	3.37	4.14	(0.77)	-18.57%
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	217.95	212.06	5.89	2.78%
I. Vốn chủ sở hữu	217.95	212.06	5.89	2.78%
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	267.41	262.19	5.23	1.99%

4.3.2. Một số chỉ tiêu phân tích tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	73.09%	70.46%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	26.91%	29.54%
1.2. Cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	18.50%	19.12%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	81.50%	80.88%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	4.24	4.02
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	0.86	0.69
3. Tỷ suất sinh lợi		
3.1. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu thuần		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	24.66%	30.17%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	21.09%	23.98%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	8.84%	9.92%

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7.56%	7.88%
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	18.22%	18.62%

Nhận xét: Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh và ổn định; đảm bảo an toàn về khả năng thanh toán; các chỉ tiêu tài chính của Công ty là hợp lý. Khả năng thanh toán của Công ty vẫn đảm bảo ở mức an toàn.

Công ty cần lưu ý, do Lợi nhuận thực hiện năm 2020 sụt giảm nên các chỉ tiêu về Tỷ suất lợi nhuận đều có sự sụt giảm so với năm 2019. Trong năm 2021, Công ty cần đề ra các biện pháp quản lý tốt chi phí để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

4.3.3. Tình hình công nợ:

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2020 (tỷ đồng)	Tại ngày 31/12/2019 (tỷ đồng)	Tăng/Giảm (tỷ đồng)	Tỷ lệ Tăng/Giảm
1	Tổng nợ phải thu	16.62	14.30	2.32	16.24%
	Trong đó				
	Phải thu khách hàng	9.67	9.32	0.35	3.71%
	Dự phòng nợ phải thu	-1.27	-1.30	0.03	-2.31%
2	Tổng nợ phải trả	49.46	34.06	15.40	45.23%
	Trong đó				
	Phải trả người bán	2.44	1.38	1.06	76.62%

Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý nợ, Nợ phải thu và Nợ phải trả ở mức độ hợp lý.

4.4. Về hoạt động đầu tư

- Năm 2020, Công ty đã tiếp tục đầu tư mới và nâng cấp sửa chữa các trang thiết bị, máy móc phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất; đầu tư cho các bộ phận nghiên cứu phát triển, kiểm tra chất lượng, phân xưởng sản xuất.

- Đối với dự án đầu tư Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-ASEAN và EU-GMP: Căn cứ tình hình thực tế về năng lực xử lý nước thải tại Khu công nghiệp chưa đáp ứng kịp nhu cầu xây dựng nhà máy nên Hội đồng quản trị đã quyết định giãn tiến độ thực hiện dự án với thời gian 14 tháng, sẽ tiếp tục thực hiện dự án ngay sau khi được cơ quan thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng;

- Đầu tư thành lập công ty con: ngày 14/7/2020 đã hoàn thành thủ tục thành lập Công ty TNHH Xã hội Sinh Dược Sài Gòn là công ty con với vốn điều lệ 20 tỷ đồng do Công ty sở hữu 100% Vốn điều lệ. Tuy nhiên đến ngày 24/9/2020, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất ban hành Nghị quyết số 206/NQHĐQT-NDP về tạm ngưng hoạt động trong vòng 01 năm đối với Công ty TNHH Xã hội Sinh Dược Sài Gòn do chưa được cấp phép đạt tiêu chuẩn GLP (thực hành tốt phòng kiểm nghiệm) và GCP (thực hành tốt thử nghiệm lâm sàng);

4.5. Về giao dịch với những người có liên quan

Trong năm 2020, Công ty có phát sinh giao dịch với những người có liên quan là các tổ chức sở hữu trên 10% vốn điều lệ của Công ty, nội dung các giao dịch như sau:

STT	Tên đơn vị/Loại giao dịch	Số lần giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
01	Công ty CP XD-TM-DV G.B Sài Gòn	21	3.466.860.157
	Bán hàng	17	663.383.554
	Trả hàng	01	424.277.403
	Cho thuê bất động sản	04	2.379.199.200
02	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	191	7.503.657.214
	Bán hàng	176	6.034.939.052
	Trả hàng	3	233.18.200
	Mua hàng	12	1.468.718.162
	Tổng cộng	212	10.970.517.371

Đối với các hợp đồng, giao dịch này, Công ty cần lưu ý như sau:

- Đối với thẩm quyền chấp thuận hợp đồng, giao dịch: các giao dịch này phải được Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Đối với nghĩa vụ báo cáo: phải tuân thủ đúng quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Đối với công bố thông tin: phải kịp thời công bố thông tin theo quy định tại Khoản j Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động quản trị điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

5.1. Về công tác của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số 38/NQHĐQT-NDP ngày 27/3/2020 phân công ông Huỳnh Nguyên Thanh làm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- HĐQT đã lập chương trình công tác năm 2020 phù hợp với các mục tiêu, định hướng Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể.

- HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động. Trong năm đã tổ chức 12 phiên họp. Các phiên họp HĐQT đã tiến hành đúng theo quy định tại Điều lệ công ty. Nội dung các phiên họp đều thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Trong năm HĐQT đã ban hành 09 nghị quyết, các nghị quyết HĐQT kịp thời trong định hướng chỉ đạo theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Đã thực hiện giám sát thường xuyên Ban điều hành trong việc triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, các nghị quyết HĐQT và các hoạt động SXKD.

5.2. Về công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc:

- Trong năm 2020, có sự biến động nhân sự Ban Tổng Giám đốc như sau:

+ Bổ nhiệm ông Phạm Ngọc Tú giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc điều hành kể từ ngày 20/01/2020 (theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT/CT ngày 20/01/2020 của Hội đồng quản trị);

+ Chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Phạm Ngọc Tú, Quyền Tổng Giám đốc điều hành kể từ ngày 01/11/2020 (theo Nghị quyết số 22/NQHĐQT-NDP ngày 30/9/2020 của Hội đồng quản trị).

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai nhiệm vụ kịp thời, linh hoạt để đạt kết quả tốt nhất theo đúng định hướng chỉ đạo tại các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với Hội đồng quản trị để giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty. Ban Tổng Giám đốc cũng xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

5.3. Việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020:

5.3.1. Thực hiện các chỉ tiêu tài chính: Công ty chưa đạt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận; đã đảm bảo mức chi cổ tức 10%.

5.3.2. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 và chi trả cổ tức:

- Đã hoàn tất chi trả cổ tức năm 2019 và chi bổ sung cổ tức từ quỹ lợi nhuận chưa phân phối cho cổ đông;

- Đã thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019 đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020;

5.3.3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020: đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính năm 2020 của Công ty.

5.3.4. Đã ban hành Quy chế quản trị nội bộ.

6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong quá trình công tác, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

Giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ, trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của toàn thể cổ đông và tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ.

II. Phương hướng hoạt động năm 2021:

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2021 với những nội dung chính như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, điều hành theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

- Giám sát tình hình thực hiện triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;

- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm 2021;

- Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành và Ban Kiểm soát;

- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.

Trên đây là báo cáo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ đã tạo điều kiện để BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các Thành viên HĐQT;
- Các Thành viên BKS;
- Lưu TC-HC, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Đức

Số: 01/BC-BKS

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động
tại Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 (Nadyphar)
Nhiệm kỳ 2016-2021
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9;
- Căn cứ các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 đã được kiểm toán giai đoạn 2016-2021;

Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2016-2021 tại Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 như sau:

1. Về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát:

Về nhân sự Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9, được bầu thông qua tại Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Tại ĐHĐCĐ tổ chức ngày 14/04/2016, đã bầu 03 thành viên Ban kiểm soát, thực hiện theo Nghị quyết số D01 001/16NQ-NDP ngày 12/05/2016, trong đó bao gồm:

STT	Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Nam Hải	Trưởng Ban	Không chuyên trách
2	Nguyễn Trần Xuân Mai	Thành viên	Không chuyên trách
3	Nguyễn Thế Phong	Thành viên	Không chuyên trách

- Ngày 30/12/2016, ông Trần Nam Hải đã có Đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát.

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 03/06/2017, đã bầu bổ sung bà Đoàn Thị Lệ là thành viên Ban Kiểm soát. Ngày 05/06/2017, Ban Kiểm soát đương nhiệm đã bầu bà Đoàn Thị Lệ làm Trưởng Ban Kiểm soát.

- Ngày 26/09/2017, bà Đoàn Thị Lệ đã có Đơn xin từ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát.

- Ngày 26/09/2017, bà Đoàn Thị Lệ đã có Đơn xin từ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát.

- Ngày 16/03/2018, ông Nguyễn Thế Phong đã có Đơn xin từ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát.

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 23/04/2018, đã bầu bổ sung 02 Thành viên Ban Kiểm soát là ông Nguyễn Minh Đức và ông Trần Quang Huy. Ban Kiểm soát cũng đã tiến hành bầu ông Nguyễn Minh Đức làm Trưởng Ban Kiểm soát.

Đến thời điểm hiện nay, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên như sau:

STT	Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Đức	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 23/04/2018
2	Nguyễn Trần Xuân Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/05/2016
3	Trần Quang Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2018
	Tổng cộng		

Trong nhiệm kỳ 2016-2021, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các công tác như sau:

1.1. BKS đã duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS: tham dự đầy đủ các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường của Công ty, đã cử thành viên tham dự các Phiên họp thường kỳ của HĐQT;

1.2. Đã thực hiện các công tác đúng theo kế hoạch hoạt động hàng năm, bao gồm: thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Giám sát thẩm định tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và báo cáo khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông hoặc các cơ quan nhà nước có liên quan;

1.3. Đã xem xét, thẩm tra các Báo cáo tài chính quý tại Công ty, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn;

1.4. Tổ chức các cuộc họp định kỳ của Ban Kiểm soát để soát xét, thảo luận, đánh giá hoạt động của Công ty trong kỳ; Lập các Báo cáo kết quả đánh giá kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty hàng năm, quý; Tham gia ý kiến trong việc xây dựng, soạn thảo, điều chỉnh, bổ sung Điều lệ, các quy chế, quy định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; và các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

2. Kết quả giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty.

2.1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm

Qua xem xét Báo cáo tài chính hàng năm đã được soát xét bởi đơn vị kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn, Ban Kiểm soát có ý kiến như sau:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty là phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung; phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) các văn bản hướng dẫn do Bộ Tài chính ban hành;

- Các chính sách và phương pháp kế toán được áp dụng nhất quán;

- Các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trên báo cáo tài chính cho thấy các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Về hệ thống kế toán:

- Hệ thống kế toán: sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính rõ ràng, kịp thời; công tác quản lý tài sản, vật tư, công nợ chặt chẽ; trích lập dự phòng hợp lý, đầy đủ, phù hợp quy định; công tác kê khai và nộp thuế thực hiện đúng quy định;

- Tổ chức bộ máy kế toán phù hợp quy định;

- Công ty đã tuân thủ thực hiện công bố thông tin đúng quy định về nội dung và tiến độ;

Về hệ thống kiểm soát nội bộ:

Nhận thức được vai trò quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hoạt động kinh doanh, Ban lãnh đạo công ty đã và đang xây dựng và từng bước hoàn thiện dần hệ thống văn bản nội bộ bao gồm các quy chế, quy định, quy trình... phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và bảo đảm lợi ích hợp pháp của cổ đông;

4.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao tại Nghị quyết số 79/19NQ-NDP ngày 30/03/2019, BKS tổng hợp kết quả thực hiện năm 2019 như sau:

4.2.2. Kết quả thực hiện Doanh thu – Chi phí – Lợi nhuận

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
Tổng doanh thu	328.10	126.03	133.18	96.96	106.82	791.10
Doanh thu thuần	325.96	117.91	125.09	86.22	95.92	751.10
- Doanh thu bán hàng	115.98	116.76	124.69	88.42	92.18	538.04
- Doanh thu hàng hóa				2.04	1.51	3.55
- Doanh thu gia công	0.10	0.01				0.11

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
- Doanh thu BĐS	212.19	6.73	5.19	5.30	5.52	234.93
- Chiết khấu thương mại	-0.92	-4.68	-3.69	-5.77	-2.63	-17.68
- Giảm giá hàng bán						
- Hàng bán bị trả lại	-1.40	-0.90	-1.10	-3.76	-0.67	-7.84
Thu nhập hoạt động tài chính	1.65	6.80	7.90	9.09	9.65	35.08
Thu nhập khác	0.50	1.32	0.19	1.65	1.26	4.91
Tổng chi phí	298.03	99.02	102.05	70.94	83.17	653.22
- Giá vốn hàng bán	272.88	61.84	58.88	49.35	57.60	500.55
- Chi phí hoạt động tài chính	-3.33	2.12	3.20	1.39	0.01	3.39
- Chi phí bán hàng	14.30	17.22	18.84	7.12	8.41	65.89
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.75	17.56	20.87	12.99	16.52	81.69
- Chi phí khác	0.44	0.28	0.26	0.10	0.63	1.70
Lợi nhuận trước thuế	30.07	27.01	31.13	26.02	23.65	137.88
Lợi nhuận sau thuế	24.71	21.35	24.56	20.67	20.23	111.52

4.2.3. Kết quả thực hiện Phân phối Lợi nhuận

STT	DIỄN GIẢI	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng cộng
1	Tổng Lợi nhuận trước thuế	30.07	27.01	31.13	26.02	23.65	137.88
	* Thuế TNDN phải nộp	5.18	5.52	7.94	4.32	3.25	26.22
	* Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0.18	0.13	-1.37	1.02	0.17	0.14
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế	24.71	21.35	24.56	20.67	20.23	111.52
	a. Trả cổ tức cho cổ đông	9.99	9.99	9.99	13.32	11.10	54.39
	Trong đó	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Cổ đông Công ty Dược Sài Gòn	2.90	2.90	2.90	1.93	1.61	12.23
	Cổ đông tư nhân	7.09	7.09	7.09	11.39	9.49	42.16
	b. Trích lập các quỹ	6.18	8.54	9.82	6.41	6.27	37.22
	- Quỹ đầu tư phát triển	4.94	4.27	4.91	3.10	3.03	20.26
	- Quỹ khen thưởng		2.56	2.95	2.07	2.02	9.60
	- Quỹ phúc lợi		0.64	0.74	0.21	0.20	1.79
	- Quỹ thù lao HĐQT	1.24	1.07	1.23	1.03	1.01	5.58
	c. Lợi nhuận chưa phân phối	30.69	29.65	34.40	30.64	31.53	31.53
	- Lợi nhuận chuyển năm sau	8.72	2.96	3.38	1.96	2.86	2.86
	- Lợi nhuận các năm trước	21.97	26.70	31.02	28.68	28.68	28.68

Căn cứ vào các bảng tổng hợp kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh nêu trên, Tổng doanh thu thực hiện trong **05 năm là 791,10** tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế là **137,88** tỷ đồng; thực hiện nộp ngân sách đầy đủ, kịp thời, đúng theo quy định. Tuy nhiên cần lưu ý chỉ tiêu Doanh thu và Lợi nhuận năm 2019-2020 đã sụt giảm so với giai đoạn trước đó.

Về vốn điều lệ, trong nhiệm kỳ Công ty đã thực hiện thành công phát hành trái phiếu chuyển đổi và đã hoàn tất việc chuyển trái phiếu chuyển đổi

thành cổ phiếu vào năm 2019, điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 55,5 tỷ đồng lên 111 tỷ đồng.

Công ty đã đảm bảo tốt chỉ tiêu chi trả cổ tức hàng năm theo đúng các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Tổng giá trị cổ tức trong 05 năm đã trả cho cổ đông là **54,39 tỷ đồng**. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

4.3. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tài chính khác

4.3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán, tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty nhiệm kỳ 2016-2021 tóm tắt như sau:

CHỈ TIÊU	Tại ngày 01/01/16	Tại ngày 31/12/16	Tại ngày 31/12/17	Tại ngày 31/12/18	Tại ngày 31/12/19	Tại ngày 31/12/20
(A)						
TÀI SẢN						
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	98.80	130.01	167.01	192.78	184.74	195.46
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	16.36	9.33	24.62	22.69	19.41	22.59
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	78.00	100.00	123.08	123.00	130.60
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	50.22	12.86	11.53	18.17	11.65	16.62
IV. Hàng tồn kho	30.22	29.82	30.31	28.29	30.22	25.05
V. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	0.55	0.55	0.46	0.59
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	72.14	49.66	71.53	75.39	77.45	71.96
I. Các khoản phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.06	0.06	0.05	0.05
II. Tài sản cố định	35.66	32.63	33.20	32.68	41.67	37.92
1. Tài sản cố định hữu hình	30.95	28.01	27.52	27.22	36.44	32.77
2. Tài sản cố định vô hình	4.71	4.62	5.68	5.45	5.23	5.15
III. Bất động sản đầu tư	35.22	15.43	14.68	13.93	13.19	12.47
IV. Tài sản dở dang dài hạn	0.32	0.32	-	5.07	1.18	1.26
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0.09	0.09	0.09	0.09	0.09	0.09
VI. Tài sản dài hạn khác	0.81	1.15	23.51	23.58	21.27	20.17
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	170.94	179.67	238.54	268.17	262.19	267.41
NGUỒN VỐN						
A. NỢ PHẢI TRẢ	41.18	36.43	89.02	108.99	50.13	49.46
I. Nợ ngắn hạn	40.21	34.64	32.88	49.31	45.99	46.09
II. Nợ dài hạn	0.96	1.79	56.14	59.68	4.14	3.37
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	129.76	143.24	149.53	159.18	212.06	217.95
I. Vốn chủ sở hữu	129.76	143.24	149.53	159.18	212.06	217.95
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	170.94	179.67	238.54	268.17	262.19	267.41

4.3.2. Một số chỉ tiêu phân tích tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn					
1.1. Cơ cấu tài sản					
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	72.36%	70.01%	71.89%	70.46%	73.09%

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	27.64%	29.99%	28.11%	29.54%	26.91%
1.2. Cơ cấu nguồn vốn					
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	20.28%	37.32%	40.64%	19.12%	18.50%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	79.72%	62.68%	59.36%	80.88%	81.50%
2. Khả năng thanh toán					
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	3.75	5.08	3.91	4.02	4.24
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	0.64	1.12	0.84	0.69	0.86
3. Tỷ suất sinh lợi					
3.1. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu thuần					
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	9.23%	22.91%	24.89%	30.17%	24.66%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7.58%	18.11%	19.63%	23.98%	21.09%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản					
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	16.73%	11.32%	11.61%	9.92%	8.84%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	13.75%	8.95%	9.16%	7.88%	7.56%
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	22.26%	19.24%	22.12%	18.62%	18.22%

Nhận xét: Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh và ổn định; đảm bảo an toàn về khả năng thanh toán. Khả năng thanh toán của Công ty vẫn đảm bảo ở mức an toàn.

Tuy nhiên, do tình hình Doanh thu và Lợi nhuận thực hiện của 02 năm 2019 và 2020 bị sụt giảm và không đạt kế hoạch được giao nên các chỉ tiêu về Tỷ suất lợi nhuận giai đoạn 2019-2020 đã bị sụt giảm đáng kể so với các năm trước đó. Công ty cần có những giải pháp cần thiết để cải thiện tình hình kinh doanh trong nhiệm kỳ sắp tới.

4.3.3. Tình hình công nợ:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng nợ phải thu	12.86	11.53	18.17	11.65	16.62
	Trong đó					
	Phải thu khách hàng	10.93	6.98	10.23	6.27	9.67
	Dự phòng nợ phải thu	-1.06	-1.18	-1.30	-1.34	-1.27
2	Tổng nợ phải trả	36.43	89.02	108.99	50.13	49.46
	Trong đó					
	Phải trả người bán	2.83	4.10	3.33	4.39	2.44

Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý nợ. Trong nhiệm kỳ vừa qua, Công ty đã áp dụng chính sách bán hàng thu tiền ngay và tích cực trong công tác thu hồi nợ, giúp giảm thiểu rủi ro đối với công nợ phải thu.

5. Hoạt động đầu tư:

Trong suốt nhiệm kỳ, Công ty đã thực hiện thường xuyên công tác đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các trang thiết bị, máy móc phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất; phục vụ việc thẩm định tái xét GMP; đầu tư cho các bộ phận nghiên cứu phát triển, kiểm tra chất lượng, phân xưởng sản xuất.

- Đối với dự án đầu tư Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-ASEAN và EU-GMP: do năng lực xử lý nước thải tại Khu công nghiệp chưa đáp ứng kịp nhu cầu xây dựng nhà máy nên trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã quyết định giãn tiến độ thực hiện dự án với thời gian 14 tháng, sẽ tiếp tục thực hiện dự án ngay sau khi được cơ quan thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng;

- Đầu tư thành lập công ty con: ngày 14/7/2020 đã hoàn thành thủ tục thành lập Công ty TNHH Xã hội Sinh Dược Sài Gòn là công ty con với vốn điều lệ 20 tỷ đồng do Công ty sở hữu 100% Vốn điều lệ. Tuy nhiên đến ngày 24/9/2020, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất tạm ngưng hoạt động trong vòng 01 năm đối với Công ty TNHH Xã hội Sinh Dược Sài Gòn do chưa được cấp phép đạt tiêu chuẩn GLP (thực hành tốt phòng kiểm nghiệm) và GCP (thực hành tốt thử nghiệm lâm sàng);

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động quản trị điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

6.1. Về công tác của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- HĐQT đã lập chương trình công tác hàng năm phù hợp với các mục tiêu, định hướng Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể.

- HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động. Các phiên họp HĐQT đã đảm bảo số lượng và tiến hành đúng theo quy định tại Điều lệ công ty. Nội dung các phiên họp đều thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Trong nhiệm kỳ HĐQT đã ban hành các nghị quyết HĐQT kịp thời trong định hướng chỉ đạo theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Đã thực hiện giám sát thường xuyên Ban điều hành trong việc triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, các nghị quyết HĐQT và các hoạt động SXKD.

6.2. Về công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai nhiệm vụ kịp thời, linh hoạt để đạt kết quả tốt nhất theo đúng định hướng chỉ đạo tại các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với Hội đồng quản trị để giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty. Ban Tổng Giám đốc cũng xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

6.3. Việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm:

6.3.1. Thực hiện các chỉ tiêu tài chính hàng năm:

- Đối với chỉ tiêu Doanh thu và Lợi nhuận: Công ty đã thực hiện vượt kế hoạch trong giai đoạn 2016-2018. Riêng đối với năm 2019 và 2020, Công ty không đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Đối với chỉ tiêu chi cổ tức: hoàn thành đúng chỉ tiêu kế hoạch được giao hàng năm.

6.3.2. Các nội dung khác của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Thực hiện trích lập quỹ và chi trả cổ tức, trích lập thù lao của HĐQT hàng năm;

- Thực hiện phát hành trái phiếu chuyển đổi và đã hoàn tất việc chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 55,5 tỷ đồng lên 111 tỷ đồng;

- Thực hiện đầy đủ các nội dung khác tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường, thường niên hàng năm.

- Thực hiện đúng với yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông trong việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán uy tín hàng năm và là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán Công ty niêm yết.

7. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong quá trình công tác, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

Giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ, trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của toàn thể cổ đông và tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ.

II. Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026:

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động Nhiệm kỳ 2021-2026 với những nội dung chính như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, điều hành theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

- Giám sát tình hình thực hiện triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;

- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm;

- Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành và Ban Kiểm soát;

- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.

Trên đây là báo cáo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2016-2021 của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ đã tạo điều kiện để BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Đức

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các Thành viên HĐQT;
- Các Thành viên BKS;
- Lưu TC-HC, BKS.



DỰ THẢO

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9.

Nhằm đảm bảo cho việc tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông (Đại hội) Thường niên năm 2021 nhiệm kỳ IV (2016-2020) đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9, Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông và người ủy quyền hợp pháp của cổ đông; chế độ làm việc của Chủ Tọa đoàn và Thư ký đoàn tại Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021 nhiệm kỳ IV (2016-2020) như sau:

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG:

- Cổ đông/Người ủy quyền hợp pháp tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào danh sách cổ đông dự họp.
- Dự họp đúng giờ quy định, tuân thủ sự hướng dẫn của Ban Tổ chức và Chủ tọa đoàn.
- Trang phục lịch sự.
- **Đo thân nhiệt tại cổng bảo vệ. Các trường hợp thân nhiệt trên 37,5 độ C, có các triệu chứng sốt, ho, khó thở vui lòng không tham dự đại hội để phòng tránh nguy cơ lây nhiễm bệnh Covid 19 cho cộng đồng.**
- **Đeo khẩu trang khi đến tham dự họp và thực hiện khử khuẩn tay theo hướng dẫn.**
- **Thực hiện các quy định phòng chống dịch khác theo yêu cầu của Ban Tổ chức (nếu có).**
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại Hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ họp.
- Tham gia thảo luận, biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ Tọa đoàn.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI:

- **Nguyên tắc:** Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết ghi mã số biểu quyết. Quyền biểu quyết theo phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần cổ đông đó đăng ký sở hữu hoặc đại diện.
- **Cách biểu quyết:** Cổ đông biểu quyết (đồng ý; không đồng ý; có ý kiến khác) thông qua một vấn đề bằng cách giơ phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội.
- **Điều kiện để Nghị quyết Đại hội được thông qua (theo quy định tại Điều 20 Điều lệ công ty):**
 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - đ. Tổ chức lại, giải thể công ty;
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 & khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty;

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA ĐOÀN:

- Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị là Chủ tọa của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có thể mời thêm một số thành viên khác tham gia Đoàn Chủ Tọa để điều hành Đại hội.
- Chủ tọa có trách nhiệm điều hành Đại hội như sau:
 - Triển khai chương trình Đại Hội theo quy chế và thời gian quy định nhằm tạo điều kiện cho Đại Hội thành công tốt đẹp.
 - Hướng dẫn thảo luận, biểu quyết những nội dung của Đại hội, thông qua các báo cáo về Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ IV và định hướng nhiệm kỳ V, tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và các Tờ trình cần thông qua để Đại hội phê chuẩn.
 - Giải thích cho các cổ đông những nội dung nếu còn chưa rõ.
 - Giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát
 - Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
 - Giải quyết các thắc mắc khiếu nại về việc bầu cử (nếu có).
 - Hướng dẫn thảo luận, giải đáp thắc mắc của cổ đông về các nội dung liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội hợp lý, trật tự theo nội dung chương

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

- Kiểm tra tư cách Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;
- Kiểm tra Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền (nếu có);
- Phát Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và tài liệu cho các Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các Cổ đông tham dự họp Đại hội;
- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông dự họp Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN BẦU CỬ VÀ BAN KIỂM PHIẾU:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ bầu cử, bỏ phiếu.
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết, bầu cử của cổ đông hoặc người được ủy quyền.
- Thông báo kết quả biểu quyết trước Đại hội sau mỗi lần biểu quyết.
- Phát và thu Phiếu bầu cử, kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả bầu cử.
- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐOÀN:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

- Soạn thảo Biên bản họp Đại Hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

VI. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI